

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA VĂN HÓA – DU LỊCH

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP  
CỦA SINH VIÊN NGÀNH DU LỊCH,  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Chủ nhiệm đề tài: Bùi Thị Minh Hiền

Lớp: D15DL

Ngành: Du lịch

NINH BÌNH, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA VĂN HÓA – DU LỊCH

BÁO CÁO KẾT QUẢ  
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP  
CỦA SINH VIÊN NGÀNH DU LỊCH,  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Chủ nhiệm đề tài: Bùi Thị Minh Hiền

Lớp: D15DL

Người hướng dẫn khoa học: ThS. Phạm Thị Thu Thủy

Xác nhận của GV hướng dẫn

(Họ, tên và chữ ký)

ThS. PHẠM THỊ THU THỦY

Chủ nhiệm đề tài

(Họ, tên và chữ ký)

BÙI THỊ MINH HIỀN

NINH BÌNH, 2024

# MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                        |      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT .....                                                                                                                                                     | iv   |
| 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài .....                                                                                                                      | v    |
| 2. Tính cấp thiết của đề tài.....                                                                                                                                                      | viii |
| 3. Mục tiêu nghiên cứu .....                                                                                                                                                           | x    |
| 4. Đối tượng nghiên cứu .....                                                                                                                                                          | x    |
| 5. Phạm vi nghiên cứu .....                                                                                                                                                            | x    |
| 6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....                                                                                                                                        | x    |
| Chương 1 .....                                                                                                                                                                         | 1    |
| CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN .....                                                                                 | 1    |
| 1.1. Cơ sở lý luận.....                                                                                                                                                                | 1    |
| 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản.....                                                                                                                                                    | 1    |
| 1.1.2. Lợi ích của kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin với sinh viên.....                                                                                                             | 3    |
| 1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học tập .....                                                                                        | 5    |
| 1.2. Cơ sở thực tiễn ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học tập của sinh viên .....                                                                                          | 6    |
| 1.2.1. Bối cảnh giáo dục và ứng dụng công nghệ trong giáo dục hiện nay .....                                                                                                           | 6    |
| 1.2.2. Khung năng lực số dành cho sinh viên.....                                                                                                                                       | 10   |
| 1.2.3. Một số công cụ công nghệ thông tin hiện nay được sử dụng trong học tập của sinh viên tại các trường Đại học .....                                                               | 12   |
| Tiểu kết chương 1 .....                                                                                                                                                                | 15   |
| Chương 2 .....                                                                                                                                                                         | 16   |
| THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.....                                                                                                                                           | 16   |
| CỦA SINH VIÊN NGÀNH DU LỊCH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ .....                                                                                                                               | 16   |
| 2.1. Tổng quan về công tác đào tạo ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư và các hoạt động tăng cường kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo ngành du lịch ..... | 16   |
| 2.1.1. Khái quát về ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư.....                                                                                                                          | 16   |
| 2.1.2. Nội dung đào tạo Công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư .....                                                                      | 17   |
| 2.2 Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên ngành Du lịch, Trường Đại học Hoa Lư .....                                                                                   | 20   |

|                                                                                                                                                                   |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.2.1. Về nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của công nghệ thông tin.....                                                                                  | 20 |
| 2.2.2. Về mục đích sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên.....                                                                                    | 23 |
| 2.2.3. Về các ứng dụng công nghệ thông tin sinh viên ngành Du lịch thường sử dụng.....                                                                            | 25 |
| 2.2.4. Phương thức sinh viên tăng cường kỹ năng sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin .....                                                                    | 26 |
| 2.2.5. Về mức độ sử dụng các kỹ năng công nghệ thông tin trong quá trình học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư.....                          | 27 |
| 2.2.6. Một số thuận lợi và khó khăn của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư khi ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập .....                       | 28 |
| 2.3. Đánh giá về thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên ngành Du lịch, Trường Đại học Hoa Lư .....                                                 | 31 |
| 2.3.1. Những điểm mạnh của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư khi ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình học tập.....                           | 31 |
| 2.3.2. Những điểm yếu của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư khi ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình học tập.....                            | 32 |
| Tiểu kết chương 2 .....                                                                                                                                           | 33 |
| Chương 3 .....                                                                                                                                                    | 34 |
| ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ .....                                                                                                             | 34 |
| ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA SINH VIÊN .....                                                                                                                  | 34 |
| NGÀNH DU LỊCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ .....                                                                                                                         | 34 |
| 3.1. Yêu cầu về kỹ năng công nghệ thông tin đối với sinh viên ngành Du lịch, Trường Đại học Hoa Lư .....                                                          | 34 |
| 3.2. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư ..... | 37 |
| 3.2.1. Tăng cường nhận thức của người học về ứng dụng công nghệ thông tin.....                                                                                    | 37 |
| 3.2.2. Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin cho sinh viên.....                                                                                        | 39 |
| 3.2.3. Xây dựng môi trường số trong hoạt động dạy và học .....                                                                                                    | 41 |
| Tiểu kết chương 3 .....                                                                                                                                           | 42 |
| KẾT LUẬN .....                                                                                                                                                    | 44 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO .....                                                                                                                                          | 45 |

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

| STT | Tên bảng, biểu                                                                                                           | Trang |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | Bảng 2.1. Chuẩn đầu ra học phần Tin học đại cương chương trình đào tạo ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư              | 17    |
| 2   | Bảng 2.2. Các hoạt động ứng dụng CNTT của sinh viên trong học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư     | 18    |
| 3   | Bảng 2.3. Tác động của ứng dụng CNTT tác động tới việc học tập của sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư         | 22    |
| 4   | Bảng 2.4. Mức độ sử dụng kỹ năng CNTT của sinh viên ngành du lịch, trường đại học Hoa Lư                                 | 27    |
| 5   | Bảng 3.1. Mục tiêu chương trình đào tạo ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư                                             | 35    |
| 6   | Biểu đồ 2.1. Nhận thức của sinh viên ngành Du lịch về tầm quan trọng của CNTT                                            | 21    |
| 7   | Biểu đồ 2.2. Các hoạt động ứng dụng CNTT của sinh viên trong học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư  | 21    |
| 8   | Biểu đồ 2.3: Mục đích ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành du lịch, trường Đại học Hoa Lư                     | 24    |
| 9   | Biểu đồ 2.4: Phương pháp nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư | 26    |
| 10  | Biểu đồ 2.5. Thuận lợi của việc ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành du lịch trường Đại học Hoa Lư            | 27    |
| 11  | Biểu đồ 2.6: Khó khăn của việc ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành du lịch, trường Đại học Hoa Lư            | 30    |

## **BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT**

| <b>Chữ viết tắt</b> | <b>Viết đầy đủ</b>       |
|---------------------|--------------------------|
| CLB                 | Câu lạc bộ               |
| CNTT                | Công nghệ thông tin      |
| CN                  | Công nghệ                |
| CMCN                | Cách mạng công nghiệp    |
| CSVC                | Cơ sở vật chất           |
| CTĐT                | Chương trình đào tạo     |
| BCH TU              | Ban Chấp hành Trung ương |
| NCKH                | Nghiên cứu khoa học      |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Công nghệ thông tin (CNTT) là một trong những lĩnh vực quan trọng, đặc biệt trong đời sống xã hội hiện đại, vai trò của CNTT được thể hiện rõ hầu hết các khía cạnh đời sống, hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, kinh doanh,... Đây được xem như một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững sau này của đất nước. Việc tăng cường hiệu suất làm việc, tạo ra cơ hội kinh doanh mới, cải thiện quản lý thông tin, thúc đẩy giao tiếp và kết nối,... những điều đó cũng chính là vai trò của CNTT trong sự vận động và phát triển của xã hội. Nhận thấy được tầm quan trọng của CNTT trong quá trình học tập và giảng dạy, đã có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả có liên quan đến đề tài ở những mức độ khác nhau.

*Một số công trình liên quan đến khung năng lực số đối với học sinh, sinh viên:*

Vấn đề chuyển đổi số trở thành một xu hướng lan tỏa tới tất cả lĩnh vực, đây sẽ là trọng số để tăng trưởng kinh tế. Với lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo, việc chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay là ứng dụng mạnh công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, đó cũng là một xu thế tất yếu. Trong cuốn sách “*Bước ra thế giới*” của tác giả John Vũ (2019) về những lời khuyên hữu ích cho người trẻ nhưng đặt ra với bối cảnh rộng lớn hơn đó là tình hình và xu hướng thế giới. Trong đó có đề cập đến sự thay đổi mạnh mẽ của thế giới khi đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực của đời sống. Và để thích ứng trong xã hội đó sinh viên cần phải thay đổi, hình thành kỹ năng cho chính mình.

Cuốn sách “*Năng lực số - Digital Literacy*” (2022) của tác giả Đỗ Văn Hùng đã đưa ra bối cảnh và nhu cầu về nhân lực số đối với xã hội ngày nay, từ đó đề ra khung năng lực số giúp sinh viên có được năng lực số cần thiết để sống, học tập, làm việc và tham gia giao tiếp xã hội một cách chủ động, tích cực và an toàn trong môi trường số.

Nhóm nghiên cứu thuộc Dự án Nâng cao năng lực số cho sinh viên của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã hoàn thành sản phẩm “*Khung năng lực số cho sinh viên*” (2021). Khung năng lực gồm 7 trụ cột: vận hành thiết bị và phần mềm, khai thác thông tin và dữ liệu, giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, an toàn và an sinh số, sáng tạo trong nội dung số, học tập và phát triển kỹ năng số, sử dụng năng lực số cho nghề nghiệp.

*Về các nghiên cứu liên quan đến kỹ năng ứng dụng CNTT của học sinh, sinh viên:*

Trong luận văn “*Phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin cho học sinh trong dạy học lịch sử lớp 10 ở trường trung học phổ thông*” của Nguyễn Thị Yến (2016), từ những cơ sở lý luận và thực tiễn việc phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học lịch sử đã đưa ra tình hình thực tiễn và đề xuất một số biện pháp. Từ đó đưa ra thử nghiệm và đánh giá tính hiệu quả, khả thi của việc xây dựng một số biện pháp phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin cho học sinh trong dạy học lịch sử.

Nghiên cứu của Nguyễn Tấn Đại & Pascal Marquet (2018) về “*Năng lực công nghệ số đáp ứng nhu cầu xã hội: Các mô hình quốc tế và hướng tiếp cận tại Việt Nam*” đã đề xuất một hướng tiếp cận mới nhằm xây dựng một bộ khung tham chiếu tiêu chuẩn xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của xã hội nhằm xác định những năng lực then chốt của người học và người lao động đối với việc sử dụng công nghệ số. Khung tham chiếu đó là cơ sở để xác định các tiêu chí đánh giá cụ thể, đo lường các năng lực ứng dụng công nghệ số trong giáo dục đại học và thực hành nghề nghiệp.

Nghiên cứu của Trần Thanh Quang Phú & Nguyễn Minh Vi (2020) với đề tài “*Một số giải pháp nâng cao kỹ năng lập trình cho sinh viên Công nghệ thông tin, trường Đại học An Giang*” đã nghiên cứu vai trò, thực trạng từ đó đề ra những biện pháp nâng cao kỹ năng lập trình cho sinh viên Công nghệ thông tin.

“*Nghiên cứu về nhu cầu đào tạo kỹ năng số từ sinh viên trường Đại học Ngoại thương Hà Nội*” (2021) của Phạm Thị Mỹ Dung – Lương Đoàn Nguyệt Hà

– Nguyễn Thúy Hương – Phạm Thị Uyển Nhi – Phí Cẩm Thy đã tập trung tìm hiểu và đánh giá về nhu cầu đào tạo kỹ năng số của sinh viên Trường Đại học Ngoại thương. Kết quả thu được trên đánh giá từ 425 sinh viên thực hiện khảo sát thì có tới 199 sinh viên đánh giá ở mức rất cao và 188 sinh viên đánh giá ở mức cao trong nhu cầu đào tạo kỹ năng số của sinh viên. Từ thực tế khảo sát, nghiên cứu đã đề ra một số đề xuất liên quan đến cả nội dung đào tạo và đề xuất cho sinh viên trong quá trình tự học kỹ năng số.

Trong bài nghiên cứu về “*Một số giải pháp nâng cao năng lực thông tin cho sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh*” của ThS. Trần Dương (2017) đã đi sâu vào nghiên cứu thực trạng năng lực thông tin của sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh và đưa ra giải pháp phát triển năng lực thông tin cho sinh viên từ các khía cạnh khác nhau như nâng cao nhận thức về vai trò của năng lực thông tin và đa dạng hóa thông tin và nâng cao chất lượng chương trình, nội dung nâng cao năng lực thông tin.

Việc phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên dần trở thành một vấn đề cấp thiết của xã hội. Như trong nghiên cứu “*Phát triển năng lực thông tin của sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn hiện nay*” của Ngô Thị Như (2018) đã đưa ra sự cần thiết của năng lực thông tin từ đó đánh giá, đưa ra những giải pháp phát triển năng lực thông tin của sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho giai đoạn hiện nay.

Từ những nghiên cứu trên, ta có thể thấy tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của học sinh, sinh viên. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu thường chỉ xét về năng lực nói chung và cách ứng dụng công nghệ thông tin trong việc học tập mà chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư. Do đó tôi chọn vấn đề này làm hướng nghiên cứu của mình.

## 2. Tính cấp thiết của đề tài

Với sự phát triển không ngừng của xã hội và thời đại 4.0 – một thời đại tập trung vào sự phát triển của công nghệ, tất cả những gì liên quan đến hệ thống không gian mạng. Công nghệ đang và sẽ có sự tác động, tạo ảnh hưởng to lớn tới toàn bộ các ngành về các lĩnh vực đời sống. Hiện nay, công nghệ thông tin hầu như đã phủ sóng rộng rãi vào đa số các ngành nghề từ nông nghiệp, công nghiệp, tài chính ngân hàng và đặc biệt là sự xuất hiện của Internet di động, điện toán đám mây và phân tích dữ liệu lớn đã giúp con người tăng năng suất công việc, tiết kiệm thời gian và chi phí.

Ở các nước phát triển trên thế giới như Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc,... đã rất thành công trong việc sử dụng những thành tựu công nghệ để phát triển kinh tế và đất nước, góp phần đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh giữa các quốc gia.

Nhận biết được tầm quan trọng đó, trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội lần thứ XIII: *“Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để tạo bức phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”*, cụm từ “chuyển đổi số” đã được nhắc tới 21 lần trong các văn kiện Đại hội XIII. CNTT được xác định là một phần quan trọng trong quá trình chuyển đổi số, nhằm cung cấp các công nghệ cơ bản, góp phần thay đổi toàn diện. Vì vậy, phát triển và ứng dụng CNTT trong chuyển đổi số là hết sức cần thiết trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Hiện nay, gần như 100% sinh viên đều sở hữu cho mình một thiết bị công nghệ, đó là điện thoại thông minh hay máy tính. Đây là thiết bị có thể giúp liên hệ, tìm kiếm thông tin dễ dàng, đủ để sinh viên tiếp cận, làm quen và sử dụng một số ứng dụng CNTT phục vụ quá trình học tập của mình. Tuy nhiên sau khi trải qua đại dịch Covid 19 với việc hầu như phải học tập và làm việc trực tuyến đã để lộ ra những điểm yếu cho thấy được phần nào kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của học sinh sinh viên còn yếu dù đã được hướng dẫn rõ ràng như chưa biết

cách cài đặt các ứng dụng nhà trường yêu cầu, chưa hiểu cách làm và nộp bài online,...

Gần đây, đặc điểm của các ngành nghề ở Việt Nam và trên thế giới đã có những thay đổi rõ rệt, yêu cầu sinh viên giờ đây không chỉ cần chuẩn bị cho mình kiến thức, kỹ năng phù hợp với công việc trong từng lĩnh vực cụ thể mà còn cần sự linh hoạt và khả năng tự xây dựng bộ kỹ năng để thích ứng với bản chất thường xuyên thay đổi của các công việc trong tương lai. Trong xã hội yêu cầu sự chuyển đổi linh hoạt đó, sinh viên cần phải thay đổi phương thức học tập, nâng cao năng lực số để có thể thích ứng và đáp ứng được nhu cầu của công việc trong tương lai. Đặc biệt với ngành Du lịch – một trong những ngành nghề có xu hướng trong tương lai. Với đặc thù nghề nghiệp cần cập nhật, tìm hiểu thông tin từ nhiều địa phương và địa điểm khác nhau. Việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp quá trình học tập trở nên gần gũi, dễ dàng hơn và tạo tiền đề cho sự chuẩn bị nghề trong tương lai một cách tốt nhất.

Với xu hướng phát triển của xã hội, những sinh viên của ngành Du lịch là yếu tố quan trọng để cấu thành xu hướng đó. Đặc biệt, Ninh Bình hiện đang là một trong những tỉnh đưa du lịch trở thành nền kinh tế mũi nhọn thì sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư có rất nhiều thuận lợi cho nghề nghiệp sau này. Thế nhưng hiện nay, tình trạng sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư ứng dụng CNTT trong quá trình học tập mới chỉ đang dừng lại ở mức cơ bản như: sử dụng Microsoft Office cho quá trình học tập mới ở mức cơ bản, thỉnh thoảng dùng máy tính để học tập chứ không thường xuyên. Các bạn sinh viên thường tìm hiểu thông tin trên những trang web hay video giới thiệu, thuyết minh qua Internet nhưng còn chưa đúng trọng tâm và một số trang web có tính chính xác không cao.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, tôi chọn đề tài nghiên cứu: “*Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học hoa Lư*” để tìm hiểu sâu sắc hơn về thực trạng hoạt động này

ở trường Đại học Hoa Lư nơi tôi đang theo học, từ đó có thể đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về tình hình ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên, nghiên cứu đánh giá được khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư vào hoạt động học tập, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo du lịch tại trường Đại học Hoa Lư.

### **4. Đối tượng nghiên cứu**

Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư.

### **5. Phạm vi nghiên cứu**

Về không gian: nghiên cứu trên quy mô toàn bộ sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư.

Về thời gian: 2019-2023

Về nội dung: Các vấn đề về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin và giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư.

### **6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

#### ***6.1. Cách tiếp cận nghiên cứu***

- Đề tài được tiếp cận theo hướng: “Lý thuyết – Thực trạng – Giải pháp”

#### ***6.2. Phương pháp nghiên cứu***

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu*: Từ các tài liệu thu thập được tiến hành phân tích, xử lý thông tin, tổng hợp thông tin để có cái nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu.

- *Phương pháp điều tra xã hội học*:

+ Xây dựng phiếu khảo sát toàn bộ sinh viên ngành Du lịch, Trường Đại học Hoa Lư để có cơ sở đánh giá thực trạng sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học tập.

+ Phỏng vấn: Tham khảo ý kiến của các thầy cô giảng dạy chương trình Đào tạo du lịch tại trường Đại học Hoa Lư về tình hình sử dụng công nghệ của sinh viên trong việc nâng cao chất lượng học tập.

## **Chương 1**

# **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN**

## **1.1. Cơ sở lý luận**

### ***1.1.1. Một số khái niệm cơ bản***

#### *Hoạt động học tập*

Để có thể lĩnh hội kiến thức, người ta có nhiều cách đón nhận nó khác nhau. Mỗi người chúng ta đều cần phải hoàn thiện những kỹ năng, kỹ xảo hay sự thành thạo trong một lĩnh vực nào đó để bản thân ngày một tốt hơn. Thực tiễn đòi hỏi con người phải có tri thức khoa học thực sự, phải hình thành những năng lực thực tiễn mới, mà cách học ngẫu nhiên dựa trên cơ sở hoạt động tự nhiên của con người là không thể tạo ra được. Để đáp ứng được điều này đã xuất hiện một hoạt động mà mục đích cơ bản của nó chính là học. Hoạt động đặc thù đó của con người có mục đích chính là học tập, được gọi là hoạt động học tập. Đặc biệt ở lứa tuổi học sinh, sinh viên thì hoạt động học tập giữ vai trò là hoạt động chính. Hoạt động học tập hướng vào sự thiết lập và tái tạo tri thức của người học. Đây là hoạt động tiếp thu những tri thức, lý luận, khoa học. Mayes và de Freitas (2013) đã xác định học tập là những giai đoạn của một chu kỳ và những khía cạnh khác nhau của quá trình phát triển hướng đến làm chủ tri thức hoặc kỹ năng. Khác với lao động, hoạt động học tập có tính chất độc đáo về mục đích và kết quả của hoạt động, học tập không làm thay đổi đối tượng mà làm thay đổi chính bản thân mình. Học tập là một quá trình mang lại những thay đổi liên tục trong hành vi hoặc nhận thức của mỗi cá nhân. Quá trình này bao gồm nhiều yếu tố như động lực (bao gồm động lực bên trong và động lực bên ngoài), đối chiếu và điều chỉnh (dựa trên các phản hồi) và học thông qua hành động (dựa trên việc tương tác với đồng nghiệp và các thành viên trong cộng đồng học tập).

Như vậy, học tập là hoạt động đặc thù của con người được điều khiển bởi mục đích tự giác là lĩnh hội những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo mới, những hình thức hành vi và những dạng hoạt động nhất định. Ở các trường Đại học, thông qua học

tập, sinh viên được tiếp thu các tri thức khoa học, hình thành các kỹ năng, chuyên môn, phẩm chất phù hợp với ngành nghề họ được đào tạo. Hoạt động học tập ở sinh viên diễn ra trong điều kiện có kế hoạch vì nó phụ thuộc vào nội dung, chương trình, mục tiêu, phương thức và thời hạn đào tạo.

### *Công nghệ thông tin*

Công nghệ thông tin (IT – information technology) là việc sử dụng máy tính, phần mềm để chuyển đổi, lưu trữ, bảo vệ, xử lý, truyền tải và thu thập các thông tin, dữ liệu cần thiết. Ở Việt Nam, khái niệm CNTT được hiểu và định nghĩa trong nghị quyết chính phủ 49/CP ký ngày 4 tháng 8 năm 1993: *“Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại – chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông – nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội.”*

Khoản 1 điều 4 Luật CNTT năm 2006 cũng giải thích *“CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số”*.

Tại Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay, lĩnh vực CNTT đã ứng dụng rộng rãi trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế xã hội. Điều 4, Luật Công nghệ thông tin 2006 nêu rõ: *“Ứng dụng công nghệ thông tin là việc sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này”*. Đặc biệt, số lượng người sử dụng Internet ở Việt Nam lên tới 78,44 triệu người dùng Internet tại Việt Nam, có 72,30 triệu người dùng mạng xã hội trong tháng 1 năm 2024, tương đương 73,3% tổng dân số và tổng cộng có 168,5 triệu kết nối di động hoạt động ở Việt Nam, con số này tương đương với 169,8% tổng dân số cho thấy sức ảnh hưởng của CNTT tới mọi mặt đời sống. Các lợi ích của CNTT đem lại có thể kể đến như:

- Xử lý thông tin chính xác và nhanh chóng: CNTT giúp tự động hóa quy trình xử lý thông tin, từ việc gửi thông tin, nộp hồ sơ đến giao dịch trực tuyến, giúp tiết kiệm thời gian và tăng hiệu suất.

- Kết nối con người dễ dàng hơn: CNTT cho phép liên lạc và làm việc từ xa, giảm giúp khoảng cách địa lý và sự thuận tiện trong giao tiếp.

- Giải trí: CNTT mang đến nhiều hình thức giải trí từ xem phim, nghe nhạc đến chơi game và truyền thông xã hội.

- Học tập: CNTT giúp cung cấp tài liệu, khóa học trực tuyến và ứng dụng học tập, giúp việc học trở nên thuận lợi hơn.

- Tiếp cận thông tin: CNTT cho phép tiếp cận thông tin từ khắp nơi trên thế giới, từ tin tức đến kiến thức chuyên môn.

### ***1.1.2. Lợi ích của kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin với sinh viên***

CNTT đang làm thay đổi cuộc sống con người theo hướng tích cực. Công nghệ số là sự phát triển tiếp theo của CNTT với sự xuất hiện một số công nghệ mang tính đột phá của CMCN 4.0. Công nghệ số đã tạo ra một bối cảnh mới cho hoạt động giảng dạy và học tập. Các trang web cá nhân, nhật ký trực tuyến (blogs), podcasts và wikis đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo lập thông tin; mạng xã hội... cho phép các cá nhân tham gia vào các cộng đồng trực tuyến để xác định và chia sẻ thông tin họ cần; các thiết bị di động và không dây ngày càng đa dạng và gia tăng không ngừng về mặt số lượng cùng với mạng máy tính toàn cầu mang lại cơ hội truy cập không giới hạn và thuận tiện đến các dịch vụ thông tin. Việc sử dụng công nghệ thông tin có mối quan hệ mật thiết với các hoạt động học tập. Công nghệ thông tin tác động tới cả phương pháp giảng dạy và học tập, qua đó góp phần rất lớn vào việc nâng cao chất lượng dạy và học tại các cơ sở đào tạo hiện nay. Đặc biệt trong thời kỳ dịch bệnh lan rộng, việc học tập và làm việc trực tiếp bị hạn chế đã tạo đà cho hình thức học tập và làm việc trực tuyến trở nên phổ biến hơn và dần trở thành phương pháp dạy và học hiệu quả. Với phương pháp học mới dùng đa phương tiện để học tập. Sinh viên không cần tích lũy mọi thông tin bằng việc ghi nhớ. Điều họ cần biết là làm sao tìm và quản lý thông tin được

cần vào thời điểm đặc biệt cho một nhiệm vụ đặc biệt. Họ cần biết cách xử lý thông tin mà họ có thể dễ dàng truy lục qua công nghệ như internet. Với sự hỗ trợ của công nghệ, thầy cô giáo hiện nay trở thành người hướng dẫn, khuyến khích, kèm cặp, hỗ trợ quá trình học tập. Ứng dụng CNTT đã mang lại rất nhiều lợi ích cho sinh viên, cụ thể như:

Thứ nhất, giúp hoạt động học tập đạt kết quả cao: sự ra đời của CNTT là sự tích hợp đồng thời các tiến bộ về công nghệ và tổ chức thông tin, đem lại sự chủ động, thuận tiện nhanh chóng. Đặc biệt trong hoạt động học tập của sinh viên ngày này càng cần đến sự phát triển của CNTT bởi hoạt động học tập của sinh viên chủ yếu sẽ là tự học, tự nghiên cứu, việc ứng dụng CNTT để tìm ra hướng giải quyết cũng như sáng tạo trong quá trình học tập của mình sẽ mang đến kết quả cao và khả năng ứng dụng lớn.

Thứ hai, kiến thức đa dạng và được cập nhật thường xuyên: mạng Internet là kho thông tin khổng lồ cho phép người dùng chia sẻ thông tin và luôn cập nhật những thông tin mới nhất. Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động học tập của sinh viên là vô cùng thích hợp và phù hợp bởi ngoài những kiến thức được thu nạp từ giảng viên, giáo trình, sách vở mà còn được cập nhật và bổ sung những kiến thức, thông tin mới một cách thường xuyên, kịp thời và đầy đủ giúp sinh viên có hiểu biết rộng và sâu hơn về vấn đề cần xử lý.

Thứ ba là tạo không gian và thời gian học linh động: không giới hạn thời gian hay không gian học tập, có thể học ở bất kỳ nơi đâu và thời điểm nào là một ưu điểm lớn của việc ứng dụng CNTT trong học tập. Chỉ cần một thiết bị điện tử như điện thoại thông tin, laptop, ipad,... có kết nối mạng thì có thể học tập ở mọi lúc mọi nơi. Điều này là điểm cộng lớn với sinh viên bởi thời gian học tập trên giảng đường của sinh viên khác với học sinh, sẽ có những khoảng thời gian trống và khi đó, sinh viên có thể tự do, linh động lựa chọn thời điểm và không gian để học tập cùng với những phần mềm hỗ trợ của CNTT.

Thứ tư là giao tiếp tốt hơn việc ứng dụng CNTT giúp sinh viên có thể kết nối rộng hơn với sinh viên trên toàn cầu giúp không chỉ kết nối trong phạm vi

trong nước mà còn cả quốc tế, từ đó có thể tiếp thu văn hóa, kiến thức một cách đa dạng, thực tế. Bên cạnh đó, các trang web kết nối tạo phòng học như lifeat.io, study stream, edvin.ai,... giúp các bạn sinh viên tạo được động lực, thúc đẩy tinh thần tự học, nghiên cứu cùng phát triển.

### ***1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học tập***

Mặc dù, CNTT là công cụ rất hiệu quả để nâng cao hiệu quả hoạt động học tập của sinh viên, tuy nhiên tình hình ứng dụng CNTT của mỗi sinh viên hiện nay ở nhiều mức độ khác nhau do nhiều yếu tố tác động.

#### ***Yếu tố cá nhân sinh viên***

Về trình độ CNTT: là khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị và phần mềm CNTT trực tiếp ảnh hưởng đến việc tận dụng hiệu quả các công cụ học tập trực tuyến.

Về thái độ: quan điểm tích cực về việc ứng dụng CNTT vào học tập sẽ tạo động lực cho người học chủ động tìm tòi và khám phá.

Về kỹ năng tự học: khả năng tự học, tìm kiếm thông tin và giải quyết vấn đề độc lập là rất quan trọng trong môi trường học tập trực tuyến, giúp nâng cao kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin trong thời đại số.

#### ***Yếu tố xã hội***

Môi trường gia đình: sự hỗ trợ của gia đình về thiết bị, không gian học tập và khuyến khích học tập trực tuyến sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Môi trường bạn bè: việc chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình học tập trực tuyến sẽ tạo ra một cộng đồng học tập hiệu quả.

Văn hóa học tập: văn hóa học tập của trường học, cộng đồng sẽ ảnh hưởng đến việc chấp nhận và sử dụng các công cụ CNTT trong học tập.

#### ***Yếu tố cơ sở vật chất:***

Về thiết bị: việc trang bị đầy đủ các thiết bị như máy tính, điện thoại thông minh, kết nối internet ổn định là điều kiện tiên quyết để người học tiếp cận được nguồn học liệu trực tuyến.

Về phần mềm: việc cung cấp các phần mềm học tập, các nền tảng học trực tuyến chất lượng cao sẽ hỗ trợ quá trình học tập hiệu quả hơn.

*Yếu tố giáo viên:*

Về trình độ CNTT của giáo viên: khả năng sử dụng thành thạo CNTT của giáo viên sẽ giúp họ tạo ra các bài giảng, hoạt động học tập trực tuyến hấp dẫn và hiệu quả.

Về phương pháp giảng dạy: việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, khai thác tối đa các công cụ CNTT sẽ giúp tăng sự tương tác và hứng thú học tập của sinh viên.

*Yếu tố chính sách:*

Về chính sách của nhà trường: các chính sách của nhà trường về việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy, học tập sẽ tạo môi trường thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động này.

Về chính sách của nhà nước: các chính sách của nhà nước về phát triển giáo dục, đầu tư vào cơ sở vật chất, đào tạo nguồn nhân lực sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng CNTT vào giáo dục.

## **1.2. Cơ sở thực tiễn ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học tập của sinh viên**

### ***1.2.1. Bối cảnh giáo dục và ứng dụng công nghệ trong giáo dục hiện nay***

Công nghệ thông tin đã làm thay đổi nền giáo dục một cách cơ bản và toàn diện, có hệ thống và mang tính hội nhập cao. Sự bùng nổ và phát triển về công nghệ giáo dục đã tạo ra những phương thức giáo dục phi truyền thống, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của nền giáo dục mang tính chuyển đổi sâu sắc vì con người (“dạy học cho mọi người và mỗi người”, “sự gia tăng tri thức và nhu cầu chia sẻ”, “tập trung hóa kiến thức và dịch chuyển năng lực”, “các yếu tố bền vững, truyền thống và sự hội nhập trong không gian giáo dục”...). Quá trình này dẫn đến sự cần thiết phải nhìn nhận lại giá trị và ý nghĩa của việc dạy học (giáo dục nói chung) dưới góc độ mối quan hệ giữa sự phát triển của công nghệ và những thay đổi về bản chất của quá trình thực thi các chương trình giáo dục.

Vấn đề định hướng chiến lược, định vị bản chất thực của giáo dục càng trở nên cấp thiết: cần phải đào tạo, hình thành và phát triển những con người của xã hội, cho xã hội và vì sự phát triển của xã hội. Một hệ thống nội dung thiếu sự gắn kết trực tiếp với đời sống xã hội, quá hàn lâm, kinh viện, bỏ qua những thứ đang hiện hữu trong cuộc sống sẽ là những rào cản trong quá trình đào tạo ra những con người của xã hội hiện nay.

Hiện nay, thế giới đang đứng trước nhiều thách thức do chịu tác động của 4 nhóm yếu tố: i) tác động xã hội; ii) hành động chiến lược; iii) tài năng và nhân lực lao động; iv) tác động công nghệ (Bersin, Deloitte Consulting LLP, 2018). Cũng trong báo cáo này, Tổ chức Deloitte Consulting đã chỉ rõ 7 nhân tố đột phá (*disruptors*) sẽ xuất hiện trong tương lai gần, bao gồm: sự xuất hiện của công nghệ khắp mọi nơi; cơn bão dữ liệu; sự đa dạng và thay đổi nhanh chóng của lớp người thế hệ trẻ; sự thay đổi nhanh chóng về bản chất của nghề nghiệp; trí tuệ nhân tạo, máy tính biết nhận thức và robot; tự động hóa trong công việc; và sự bùng nổ đội quân lao động làm công việc ngẫu nhiên (Deloitte Consulting, 2018).

Trong bối cảnh hiện nay, các thành tố cấu thành nên một quá trình giáo dục, nền giáo dục cần được nhìn nhận trong mối quan hệ biện chứng giữa sự tích lũy, làm giàu và chia sẻ thông tin, kiến thức phục vụ cho các “công dân số” (*digital citizen*). Do vậy, sự can dự của CNTT là điều tất yếu để giải quyết “nhóm mâu thuẫn chính” ngày càng sâu sắc giữa:

- Sự gia tăng và dịch chuyển dân số, năng lực nghề nghiệp mới, khả năng thích ứng trước sự thay đổi công việc nhanh chóng (với số lượng việc làm mất đi và xuất hiện trong thời gian rất ngắn, tần suất cao)...với quá trình giáo dục cho mọi người, cho mỗi người và học tập suốt đời;
- Sự công bằng trong tiếp cận và nhu cầu đa dạng, không giới hạn về giáo dục, tiếp cận tri thức mới;
- Tính cạnh tranh về số lượng và chất lượng của nguồn nhân lực (công dân số);

- Quá trình sản xuất của cải và “sản sinh” tri thức; những yêu cầu về năng lực mới của người học trong thế kỷ 21 và sự đáp ứng của các thiết chế giáo dục, đào tạo...

Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước ta đã xác định “giáo dục là quốc sách hàng đầu...; đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho sự phát triển”. Để phù hợp với xu hướng phát triển chung của xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, nhất thiết phải đổi mới căn bản các quá trình giáo dục theo hướng ứng dụng các công nghệ mới, phát huy tính tích cực chủ động của người học để nâng cao chất lượng giáo dục. Tinh thần đó đã được gợi mở và thể hiện xuyên suốt 7 quan điểm chỉ đạo về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của trong Nghị quyết số TW 8, khóa XI của BCH TƯ Đảng (Nghị quyết 29) ban hành ngày 4/11/2013.

Năm 2012, UNESCO đã khuyến cáo về xu thế và khả năng giáo dục vượt ra khỏi những bức tường lớp học và nhà trường truyền thống để vươn tới một không gian giáo dục “suốt đời” và “hướng vào cuộc sống” (*Life-long and life-wide learning*), tạo công bằng, cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người. Cách tiếp cận này đã gợi mở cho hàng loạt các hình thức giáo dục/dạy học mới (chính thức hoặc không chính thức trên nền tảng chia sẻ kiến thức và mang tính xã hội sâu rộng), được đặt trong một phạm trù khái quát là giáo dục số (*Digital education*), bao gồm một số nền tảng chính:

- E-learning (Electronic learning): Dạy học điện tử với khả năng tổ chức các không gian giáo dục, học tập mở, khả năng tương tác mạnh mẽ giữa các chủ thể tham gia và thông tin kiến thức (bao gồm các phương thức dạy học trực tuyến - Online learning và dạy học hỗn hợp - Blended learning; dạy học đảo ngược - Flipped learning).

- M-learning (Mobile learning): là học tập thông qua các thiết bị di động. Điều này bao gồm các thiết bị cầm tay như máy tính bảng và điện thoại thông minh. M-Learning chủ yếu tập trung vào tính di động bằng cách cho phép người

học tương tác thông qua các công nghệ di động. Dạy học linh hoạt với khả năng đáp ứng tối đa các nhu cầu học tập, phát triển cá nhân.

- U-learning (Ubiquitous learning): Dạy học linh hoạt tức thời (*just in time*) với khả năng đáp ứng, chia sẻ nhanh chóng tại bất kỳ thời điểm, không gian, địa điểm nào với bất kỳ nhu cầu học tập nào của người học.

- Hệ thống khóa học trực tuyến mở rộng (*Massive Online Open Courses - MOOCs*), hệ thống khóa học đặc thù riêng cho cá nhân (*Small Private Online Courses - SPOCs*): là một nền tảng các khóa học trực tuyến miễn phí đáp ứng tối đa nhu cầu học tập theo năng lực, sở thích và điều kiện hoàn cảnh cá nhân; tăng cơ hội tiếp cận và sự tham gia của người học theo phương thức giáo dục mở và trực tuyến.

Các hạ tầng của giáo dục số trong bối cảnh ứng dụng kết nối vạn vật trên nền tảng Internet (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây hiện nay đã mang lại nhiều cơ hội và khả năng to lớn giúp cho việc tái tạo, sản sinh tri thức, chia sẻ thông tin, “san bằng” các rào cản trong việc tiếp cận kiến thức. Đặc biệt, cùng với sự phát triển của công nghệ, giáo dục số sẽ dần trở thành một “hình thái quan hệ học tập mới” làm thay đổi mô hình dạy học vốn tồn tại khá lâu theo hệ hình từ trên xuống (*Top - Down*) hoặc dưới lên (*Bottom - Up*) sang hệ hình mạng lưới, mang tính chia sẻ xã hội (*Social sharing*) trong đó, người học sẽ trở thành trung tâm của mạng lưới học tập mang tính xã hội.

Cùng với các cơ hội tiếp cận công nghệ mới trong giáo dục, người học ngày càng trở thành “trung tâm của việc học của chính họ”, tự do hơn trong định hướng và lựa chọn nội dung theo nhu cầu và quá trình học tập, do đó, càng mang dấu ấn “cá nhân hóa” một cách đậm nét hơn. Mặt khác, công nghệ cũng hỗ trợ và cho phép bất kỳ người học nào cũng có thể tìm kiếm, đóng góp, chia sẻ, xử lý dữ liệu, biến họ trở thành “người đồng sáng tạo ra tri thức mới” để đóng góp vào “trí thông minh của số đông”.

Theo xu hướng này, quá trình dạy học ngày càng hướng đến người học mạnh mẽ, được chuyển hóa định hướng theo các nhánh:

- Dạy học chính thức theo chương trình được xác lập (bao gồm cả dạy học trực tiếp và trực tuyến);
- Dạy học theo định hướng cá nhân (các nội dung và hình thức đáp ứng nhu cầu riêng của cá nhân, định hướng bởi năng lực, tốc độ, sở thích của cá nhân...);
- Dạy học theo định hướng nhóm bên trong một thiết chế tổ chức cụ thể (ví dụ, một lớp học, trong nhà trường,...) và nhóm mạng lưới (đáp ứng các nhu cầu của nhóm mạng lưới bên ngoài tổ chức);
- Dạy học ngẫu nhiên (học cái gì, học ở ai, vào bất cứ thời điểm nào theo nhu cầu cá nhân, “ngẫu nhiên, tình cờ”).

Quá trình số hóa và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục số thúc đẩy mạnh mẽ việc sản sinh nội dung tri thức, biến các nội dung dạy học theo những định dạng thông thường trước đây thành các gói siêu dữ liệu (*Meta-data*), “nội dung di động” (*Mobile/portable content*) bằng các phương thức khác nhau (trên nền tảng trực tuyến) đáp ứng nhu cầu của xã hội thông tin.

Trong quá trình tự định hướng học tập, lựa chọn các nội dung phù hợp theo nhu cầu, phong cách học, sở thích và định hướng nghề nghiệp của cá nhân, người học số sẽ lựa chọn các thiết bị di động cầm tay (*wearable devices*) phù hợp, có khả năng tương tác đa diện, đa chiều, đa đối tượng; sử dụng các Apps giáo dục (ứng dụng chạy trên nền tảng thiết bị di động) để kết nối dễ dàng với cơ sở dữ liệu lớn, các nguồn học liệu số đa định dạng (game học tập, mô phỏng, 3D tương tác, E-book tương tác, video tương tác 360 độ...).

### **1.2.2. Khung năng lực số dành cho sinh viên**

Năng lực số, hay còn được gọi là kỹ năng số, là khả năng sử dụng và hiểu biết về công nghệ thông tin và truyền thông (ICT). Đối với cá nhân, năng lực số bao gồm khả năng sử dụng máy tính, Internet, các ứng dụng và công nghệ số khác để tìm kiếm, đánh giá, tạo ra và giao tiếp thông tin hiệu quả. UNESCO (2018) đã tiến hành đề xuất khung năng lực số để hỗ trợ các quốc gia xây dựng và đánh giá năng lực số trong cộng đồng giáo dục. Dưới đây là một số yếu tố chính của Khung Năng lực số theo UNESCO được phân theo nhóm:

**\* Nhóm số 0: Vận hành thiết bị phần mềm:**

Nhận biết, lựa chọn và sử dụng các thiết bị phần cứng và ứng dụng phần mềm để nhận diện, xử lý dữ liệu, thông tin số trong giải quyết vấn đề.

**\* Nhóm số 1: Năng lực thông tin và dữ liệu:**

Nhóm năng lực này giúp ta làm rõ các nhu cầu về thông tin, định vị và truy cập dữ liệu, nội dung số. Bên cạnh đó, năng lực này giúp một cá nhân có thể đánh giá sự chính xác về thông tin.

**\* Nhóm số 2: Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số:**

Nhóm năng lực này giúp mọi người có thể tương tác, hợp tác thông qua công nghệ số, đồng thời nhận thức được sự đa dạng về văn hóa và thể hệ. Ngoài ra, mọi người cũng có thể thực hành vai trò công dân thông qua tự quản lý định danh của bản thân.

**\* Nhóm số 3: Sáng tạo nội dung số:**

Với nhóm năng lực số 4, cá nhân có khả năng tạo lập, xây dựng nội dung số của riêng mình. Hơn thế, cá nhân có thể nâng cấp thông tin số và nội dung số của mình vào vốn tri thức có sẵn. Với năng lực này, họ cũng sẽ biết được các chính sách, giấy phép liên quan; đồng thời, biết tạo ra các lệnh dễ hiểu cho hệ thống máy tính.

**\* Nhóm số 4: An ninh**

Trong nhóm này, mỗi cá nhân sẽ biết cách bảo vệ các thiết bị, nội dung, cũng như dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư của bản thân trong môi trường số. Ngoài ra, nhóm năng lực này còn giúp bảo vệ được sức khỏe và tinh thần, từ đó nâng cao nhận thức về tác động của công nghệ số đối với hạnh phúc và sự hòa nhập xã hội.

**\* Nhóm số 5: Giải quyết vấn đề:**

Nhóm năng lực số 5 giúp ta giải quyết được vấn đề, nhận diện được nhu cầu cùng với các vấn đề chưa được giải quyết trong môi trường số. Qua đó, mọi người sẽ biết sử dụng các công cụ số để đổi mới quy trình, cập nhật các sự phát triển mới của công nghệ số.

### **\* Nhóm số 6: Năng lực liên quan đến nghề nghiệp:**

Với nhóm năng lực số 6, mọi người sẽ hiểu và vận hành các công nghệ số đặc thù liên quan đến ngành nghề riêng biệt. Không những thế, nhóm năng lực này cũng giúp mọi có khả năng phân tích và đánh giá dữ liệu cùng với thông tin và nội dung số đặc thù cho một lĩnh vực cụ thể.

Khung Năng lực số của UNESCO giúp xác định những kỹ năng cần thiết để thích ứng với môi trường số ngày nay và đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chương trình giáo dục và đào tạo. Khung Năng lực số theo quan điểm của UNESCO có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn sinh viên thích ứng với môi trường số đang ngày càng phát triển. Bằng cách nhấn mạnh vào kỹ năng thông tin, xử lý và sáng tạo số, khung này giúp sinh viên trang bị những công cụ cần thiết để nắm bắt và sử dụng thông tin một cách hiệu quả. Nó cũng tập trung vào khả năng giao tiếp và hợp tác trực tuyến, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện, giúp sinh viên chuẩn bị cho thế giới năng động và đòi hỏi kỹ năng số ngày càng cao.

#### ***1.2.3. Một số công cụ công nghệ thông tin hiện nay được sử dụng trong học tập của sinh viên tại các trường Đại học***

Với thời đại công nghệ 4.0 như hiện nay, việc học tập của sinh viên trở nên dễ dàng, đa dạng và phong phú hơn nhờ vào việc sử dụng những ứng dụng của CNTT, nâng cao chất lượng học tập của bản thân. Sinh viên sử dụng các ứng dụng CNTT vào các mục đích thu thập thông tin, xử lý thông tin, viết báo cáo, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kỹ năng (Vũ Thị Bích Ngọc, 2024). Một số ứng dụng sinh viên thường sử dụng như: Microsoft Word, Excel, Powerpoint, Canva, Capcut, Slidego, Chat GPT, Memrise, Khan Academy, Coursera,... Tuy nhiên để có thể hiểu rõ hơn về các ứng dụng này và chúng dùng cho những mục đích cụ thể nào, ta có thể chia thành 3 nhóm ứng dụng chính: Nhóm cung cấp thông tin, Nhóm xử lý thông tin và Nhóm ứng dụng hoàn thành bài tập.

- Nhóm ứng dụng, website cung cấp thông tin: Một số ứng dụng mà sinh viên thường sử dụng như:

+ Các công cụ tìm kiếm: Trong đó, google là công cụ được sử dụng phổ biến nhất tại Việt Nam hiện nay. Ngoài google còn có một số công cụ tìm kiếm khác như Bing, Yandex, Baidu, Ask.com... Các công cụ này cho phép người dùng tìm kiếm nội dung trên Internet bằng cách sử dụng từ khóa.

+ Studocu: là một nền tảng trực tuyến cho phép sinh viên được chia sẻ và tìm kiếm tài liệu học tập từ rất nhiều nguồn khác nhau, từ cả trong nước và quốc tế. Nó giống như một thư viện khổng lồ chứa đựng bài tập, đề thi, tài liệu học tập được chia sẻ từ sinh viên trên khắp thế giới. Khi sử dụng nền tảng này, sinh viên có thể đăng tải tài liệu của mình lên và tham khảo tài liệu của sinh viên khác.

+ Các trang web chính chủ của các tỉnh, thành phố, sở, bộ,...: đây là các trang web chính chủ của các tỉnh, thành phố, sở, bộ, ban ngành,... các thông tin trên những trang web này đều là thông tin chính xác, đã được xác thực và mang tính khoa học. Lấy thông tin trên những trang web này có độ uy tín cực cao và là cơ sở cho nhiều bài tập của sinh viên.

+ Google Scholar: cũng tương tự như Studocu, đây là một công cụ tìm kiếm thông tin, tài liệu chuyên về kiến thức, khoa học miễn phí của Google. Thay vì tìm kiếm tất cả thông tin liên quan như phiên bản Google, thì Google Scholar chỉ tìm kiếm và truy xuất kho lưu trữ của các nhà xuất bản, trường đại học hoặc trang web chuyên về học thuật. Đây là địa chỉ vàng của sinh viên khi có thể tìm tài liệu liên quan khá dễ dàng.

- Ứng dụng Chat GPT (chatbot): Công cụ này có thể trò chuyện, trả lời lưu loát đầy đủ các câu hỏi mà bạn đưa ra, bất kể là thắc mắc về lĩnh vực gì. Khi Chat GPT ra mắt, người sử dụng muốn tra cứu đã bắt đầu trò chuyện với công cụ này thay vì tìm kiếm thông tin trên google. Với sự hiểu biết trong nhiều lĩnh vực, các câu hỏi thắc mắc của người sử dụng đã được trả lời chỉ sau vài giây.

- Nhóm ứng dụng, website xử lý thông tin:

Một số ứng dụng mà sinh viên thường sử dụng như:

+ Microsoft Excel: Excel là một phần mềm bảng tính nằm trong bộ Microsoft Office. Phần mềm này giúp ghi lại dữ liệu, trình bày thông tin dưới dạng bảng,

tính toán, xử lý thông tin nhanh chóng và chính xác với một lượng dữ liệu lớn. Excel thường được sử dụng trong việc tính toán dữ liệu và thể hiện nó dưới các dạng biểu đồ, giúp người dùng có thể thống kê, tính toán một cách nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí mang lại hiệu quả cao.

+ SPSS, viết tắt của Statistical Package for the Social Sciences, là một phần mềm phân tích thống kê đa năng, phục vụ nhiều lĩnh vực nghiên cứu từ y học, tâm lý học đến kinh doanh.

+ Google forms: Là công cụ miễn phí, không cần cài đặt phần mềm. Đây là ứng dụng hữu ích để thu thập dữ liệu đầu vào, phân tích dữ liệu thu về dưới dạng bảng tính excel hoặc biểu mẫu góp phần tăng cao hiệu quả trong công việc và học tập.

- Nhóm ứng dụng, website thể hiện bài tập: Một số ứng dụng mà sinh viên thường sử dụng như:

+ Microsoft Word: đây là phần mềm xử lý văn bản được phát triển bởi Microsoft, được phát hành lần đầu vào năm 1983. Bằng các công cụ được thiết lập, Word sẽ giúp chúng ta soạn thảo tài liệu một cách chuyên nghiệp, thể hiện bài tập một cách chi tiết trực quan. Word bao gồm các công dụng như: soạn thảo hợp đồng, biên bản; soạn thảo báo cáo; tạo CV; tạo mail; tạo phong bì; watermark; autocorrect; bảo vệ tài liệu; đếm từ; thiết lập chế độ hiển thị; soạn thảo tiểu luận, báo cáo thực tập;...

+ Microsoft PowerPoint: nằm trong bộ công cụ Microsoft Office, là một phần mềm trình chiếu sử dụng các slide để truyền tải thông tin. Nó cho phép người dùng tạo ra những slide phục vụ các buổi thuyết trình để thể hiện những thông điệp trong các lớp học hoặc buổi họp. Trong học tập, Powerpoint được coi như là một phần không thể thiếu không chỉ với sinh viên mà còn với cả giảng viên. Việc trình bày trên Powerpoint không chỉ đơn giản như Word mà nó cho phép sáng tạo vô vàn những hình thức slide khác nhau làm cho người học hứng thú hơn bao giờ hết.

+ Canva: ra mắt vào năm 2013 do Melanie Perkins sáng lập. Đây là một trang web công cụ thiết kế đồ họa mang lại sự dễ dàng, thuận tiện cho người dùng, giúp tạo ra những thiết kế chuyên nghiệp. Nó cung cấp vô cùng đa dạng các mẫu thiết kế có sẵn, các hình ảnh, font chữ, hình động, hình minh họa,... Điều đặc biệt đó chính là có thể sử dụng miễn phí. Với những người có nhu cầu thiết kế cao hơn, cầu kì hơn sẽ dùng đến gói Pro và trả phí. Ứng dụng hỗ trợ sinh viên thiết kế mọi thứ như slide trình chiếu, logo, video,...

+ Capcut: là ứng dụng chỉnh sửa video miễn phí trên các nền tảng. Đây là ứng dụng chỉnh sửa đơn giản nhưng lại rất chuyên nghiệp, tạo ra những video chất lượng cao. CapCut cung cấp những tính năng thú vị, hữu ích, cho phép chỉnh video trên điện thoại, máy tính bảng hay cả máy tính, laptop để chia sẻ trên các nền tảng như Instagram, TikTok... Với ứng dụng này, sinh viên có thể thỏa sức sáng tạo những bài tập của mình thành những video mang đầy màu sắc của sinh viên.

### **Tiểu kết chương 1**

Quá trình chuyển đổi từ nền giáo dục truyền thụ sang giáo dục kiến tạo, kết nối và thông minh dựa trên nền tảng công nghệ đang tạo ra những biến đổi sâu sắc, đồng thời đặt ra những thách thức mới cho giáo dục hiện nay. Sự phát của công nghệ mang lại những lợi ích rõ rệt tạo ra sự phát triển vượt bậc trong quá trình truyền thụ và tiếp nhận tri thức của sinh viên các trường Đại học. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ các công nghệ vật lý, công nghệ số, sinh học môi trường... của nền công nghiệp 4.0, các trường đại học nói chung cần có sự thay đổi trong quá trình dạy và học để chuẩn bị sẵn sàng để khai thác, thích ứng các lợi ích do công nghệ mang lại.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA SINH VIÊN NGÀNH DU LỊCH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

#### **2.1. Tổng quan về công tác đào tạo ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư và các hoạt động tăng cường kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo ngành du lịch**

##### ***2.1.1. Khái quát về ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư***

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Du lịch của trường Đại học Hoa Lư được xây dựng đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát triển du lịch hiện nay của tỉnh nhà, của đất nước. Chương trình tập trung cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về du lịch, nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, tư duy sáng tạo giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động du lịch. Người học được giáo dục ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế. Trong quá trình học, người học sẽ được đào tạo theo phương châm “học đi đôi với hành”; bên cạnh kiến thức lý thuyết, người học còn được tham gia vào các chuyến đi học tập dã ngoại, tham quan một số danh thắng, di tích lịch sử - văn hóa... của đất nước, được tham quan và thực tập tại các cơ sở có liên kết với nhà trường.

Với CTĐT thường xuyên được cập nhật, cùng với sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp du lịch trong các hoạt động thực tập, thực tế, trường Đại học Hoa Lư hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện từ những kiến thức chuyên môn đến kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Du lịch. Trong đó kỹ năng công nghệ thông tin xác định là một trong những năng lực cơ bản mà sinh viên ngành Du lịch cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

### **2.1.2. Nội dung đào tạo Công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư**

CNTT đã trở thành công cụ không thể thiếu trong học tập và trong quá trình làm việc ở bất cứ lĩnh vực nào trong đó có du lịch. Vì đây là công cụ nên đòi hỏi người sử dụng CNTT phải thường xuyên rèn luyện để có thể sử dụng kỹ năng hữu ích này. Đối với sinh viên ngành Du lịch, để đạt được mục tiêu về năng lực sử dụng CNTT, trong CTĐT đã thiết kế học phần Tin học đại cương nhằm cung cấp những nội dung cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc tổng quát về máy tính, mạng máy tính, virus,... Kỹ năng sử dụng Internet trong tìm kiếm và trao đổi thông tin, sử dụng hệ điều hành MS Windows, soạn thảo văn bản MS Word, xử lý bảng tính MS Excel, công cụ thuyết trình MS PowerPoint.

**Bảng 2.1. Chuẩn đầu ra học phần Tin học đại cương trong CTĐT ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư**

| <b>CĐR học phần</b> | <b>TĐNL</b> | <b>Mô tả CĐR học phần</b>                         |
|---------------------|-------------|---------------------------------------------------|
| CLO1                | K2          | Giải thích được các vấn đề cơ bản về CNTT         |
| CLO2                | K3          | Vận dụng kiến thức cơ bản về mạng Internet.       |
| CLO3                | S3          | Sử dụng hệ điều hành Windows cơ bản               |
| CLO4                | S3          | Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản MS Word cơ bản |
| CLO5                | S3          | Sử dụng phần mềm bảng tính MS Excel cơ bản        |
| CLO6                | S3          | Sử dụng phần mềm trình chiếu MS PowerPoint cơ bản |

*(Nguồn: CTĐT ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư, 2022)*

Ngoài ra, trong quá trình tổ chức đào tạo, ở nhiều học phần khác, giảng viên thường xuyên lập kế hoạch, thiết kế các hoạt động hướng tới mục tiêu thúc đẩy sinh viên ứng dụng CNTT.

**Bảng 2.2. Các hoạt động ứng dụng CNTT của sinh viên trong học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư**

| STT | Học phần                                                                    | Nội dung ứng dụng CNTT                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thực tế nhập môn                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên sử dụng các ứng dụng công nghệ chỉnh sửa để thiết kế video bài tập với chủ đề thuyết minh tại các điểm du lịch.</li> <li>- Sử dụng các phần mềm trình chiếu kết hợp với ứng dụng chỉnh sửa hình ảnh để thiết kế bài giới thiệu về sản phẩm dịch vụ của các khách sạn.</li> </ul> |
| 2   | Kinh tế du lịch, Quản trị kinh doanh khách sạn, Quản trị kinh doanh lữ hành | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên sử dụng Word để thiết kế bài báo cáo học phần</li> <li>- Sử dụng powerpoint, canva để trình chiếu kết quả.</li> <li>- Khuyến khích sinh viên lựa chọn các chủ đề về ứng dụng CNTT trong du lịch là chủ đề báo cáo.</li> </ul>                                                    |
| 3   | Marketing du lịch                                                           | Sinh viên sử dụng ngoài word, powerpoint, canva để thực hiện và trình chiếu báo cáo học phần thì sinh viên sử dụng Capcut để thiết kế ra những video quảng bá, marketing sản phẩm du lịch theo những ý tưởng khác nhau.                                                                                                             |
| 4   | Hướng dẫn du lịch, Tuyển điểm du lịch                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên truy cập vào các trang web, ứng dụng như youtube để tìm hiểu thông tin về điểm đến, về tuyến điểm.</li> <li>- Sử dụng phần mềm word, powerpoint để thể hiện những thông tin tìm được và</li> </ul>                                                                               |

|   |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                  | trình bày bài tập một cách sinh động và dễ hiểu nhất.                                                                                                                                                                                                                                             |
| 5 | Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam | Sinh viên sử dụng công cụ tìm kiếm thông tin bằng hình ảnh hỗ trợ việc học tập, phân biệt các nội dung trong học phần một cách dễ dàng hơn.                                                                                                                                                       |
| 6 | Tiếng Anh chuyên ngành                           | Sinh viên tìm hiểu, học tập từ những công cụ hỗ trợ luyện nghe, nói. Sử dụng powerpoint để trình chiếu bài tập của học phần một cách sinh động. Tạo các bài tập tương tác trên các nền tảng như Kahoot, Quizizz,... Sử dụng phần mềm học từ vựng trực tuyến như Quizlet, Anki,...                 |
| 7 | Các dân tộc ở Việt Nam, Văn hóa ẩm thực          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cuộc thi về video hướng dẫn, giới thiệu về văn hóa ẩm thực và các dân tộc Việt Nam tạo sự hứng thú.</li> <li>- Sử dụng word, powerpoint để thể hiện những thông tin tìm được và trình bày bài tập một cách sinh động và dễ hiểu nhất.</li> </ul> |

(Nguồn: Tổng hợp từ CTĐT ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư 2022)

Ngoài các hoạt động học tập, sinh viên còn sử dụng CNTT trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học là một nội dung quan trọng đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. Tham gia nghiên cứu khoa học, sinh viên được hướng dẫn sử dụng đồng thời nhiều công cụ để thu thập thông tin, xử lý thông tin và lưu giữ thông tin, từ đó có thể giúp cho sinh viên thực hiện các nghiên cứu nhanh chóng, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao. Các dữ liệu khảo sát dễ dàng được phân tích một cách nhanh chóng, chính xác nếu sinh viên biết ứng dụng các ứng dụng CNTT.

## **2.2 Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên ngành Du lịch, Trường Đại học Hoa Lư**

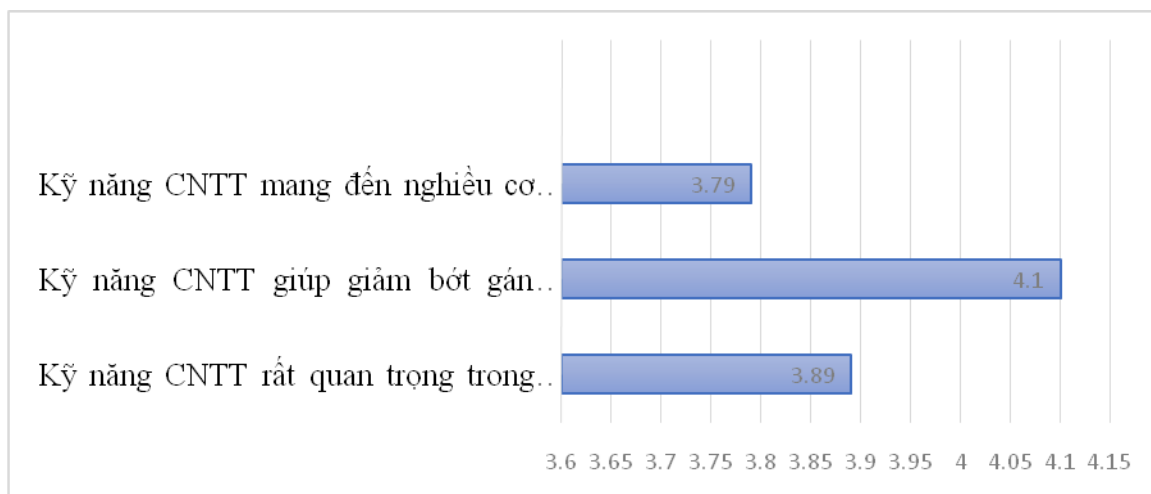
Để tìm hiểu kỹ hơn về tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động học tập, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư về các vấn đề: thứ nhất, nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của CNTT, thứ hai là mức độ ứng dụng CNTT của sinh viên trong hoạt động học tập, thứ ba là các thuận lợi và khó khăn của sinh viên trong việc ứng dụng CNTT. Nghiên cứu được thực hiện với sinh viên các khóa D13DL, D14DL, D15DL và D16DL và thu được 39 phản hồi. Phiếu khảo sát được thiết kế dưới dạng link khảo sát google form rất thuận tiện cho người trả lời và có thể đưa ra những phân tích các ý kiến phản hồi nhanh.

Trong tổng số 39 khảo sát nhận được, sinh viên nữ chiếm 66,7%; nam chiếm 33,3%. Trong đó 43,6% sinh viên D16DL, 2 khóa D14 và D15 chiếm 23,1% và khóa D13 chiếm 10,3%.

### ***2.2.1. Về nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của công nghệ thông tin***

CNTT hiện nay đã làm thay đổi mô hình giáo dục truyền thống, điều này đồng nghĩa với việc cách học tập, nghiên cứu của sinh viên đã và đang dần thay đổi để phù hợp với mô hình giáo dục ấy. Nhờ có CNTT mà sinh viên ngày nay được tự do sáng tạo trong quá trình học tập hơn, chủ động nắm bắt cơ hội tiếp thu kiến thức và tự trau dồi, rèn luyện và hoàn thiện bản thân thông qua lượng kiến thức không lồ từ Internet. Các ứng dụng CNTT trở nên thân thiện, dễ sử dụng và được sinh viên ngành Du lịch của nhà trường ngày càng áp dụng rộng rãi hơn ở các môn học khác nhau.

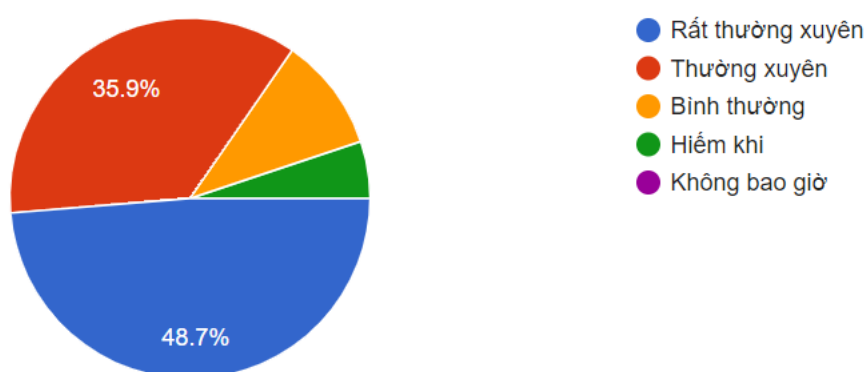
Khi được hỏi về tầm quan trọng của CNTT, với thang đo likert 5 mức độ, hầu hết các sinh viên được hỏi đều khẳng định rằng CNTT giúp giảm bớt gánh nặng trong công việc trong tương lai (4.1), kỹ năng CNTT rất quan trọng trong học tập (3.89) và kỹ năng CNTT mang đến nhiều cơ hội nghề nghiệp hơn (3.79).



**Biểu đồ 2.1. Nhận thức của sinh viên ngành Du lịch về tầm quan trọng của CNTT**

Kết quả khảo sát ở biểu đồ 2.1 cho thấy sinh viên đều nhận thức được rằng CNTT có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tăng cường hiệu quả, năng suất trong học tập và lao động. Kỹ năng CNTT của mỗi cá nhân tạo ra được lợi thế cạnh tranh cho người lao động, có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm hơn.

Đối với sinh viên, ứng dụng CNTT mặc dù được giảng viên yêu cầu và có nhiều hoạt động khuyến khích sử dụng nhưng mức độ sử dụng CNTT để hỗ trợ việc học tập ở các mức độ khác nhau.



**Biểu đồ 2.2. Mức độ ứng dụng CNTT của sinh viên ngành Du lịch trong học tập**

Biểu đồ 2.2 cho thấy có tới 48,7% sinh viên rất thường xuyên sử dụng CNTT trong hoạt động học tập và 35,9% trả lời thường xuyên sử dụng và không có câu trả lời nào phản hồi không bao giờ. Kết quả này phù hợp với xu thế chung về

chuyển đổi công tác đào tạo đại học hiện nay, tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy và học.

Việc ứng dụng phần lớn CNTT vào trong hoạt động học tập đã thu được kết quả trên 56,3% sinh viên đồng ý về hiệu quả mà nó mang lại như tiếp thu kiến thức nhanh hơn, điểm số cao hơn, làm bài tập nhóm hiệu quả hơn, phần lớn các môn học đều ứng dụng CNTT và sử dụng ngày càng nhiều trong hoạt động học tập.

**Bảng 2.3. Tác động của ứng dụng CNTT tác động tới việc học tập của sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư**

| STT | Tác động của ứng dụng CNTT                                          | Số lượng | Tỷ lệ % |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1   | Tôi thấy tiếp thu kiến thức nhanh hơn                               | 30       | 76,92%  |
| 2   | Điểm số của tôi cao hơn khi sử dụng CNTT                            | 25       | 64,10%  |
| 3   | Tôi có thể làm bài tập nhóm hiệu quả hơn                            | 28       | 71,79%  |
| 4   | Phần lớn các môn học đều sử dụng CNTT                               | 36       | 92,31%  |
| 5   | Tôi ngày càng sử dụng nhiều các ứng dụng CNTT vào hoạt động học tập | 31       | 79,49%  |

*(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2024)*

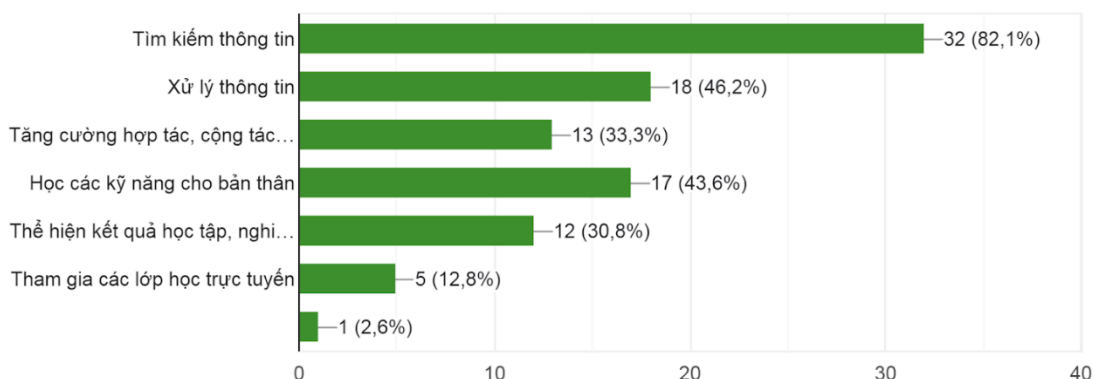
Nhìn vào bảng 2.3 có thể thấy sinh viên nhận thấy CNTT đã mang lại nhiều thuận lợi cho các bạn sinh viên. Theo khảo sát thực tế cho thấy có tới 92,31% sinh viên phản hồi rằng các môn học trong CTĐT hiện nay đều yêu cầu sử dụng CNTT có thể ở các mức độ khác nhau. 79,49% sinh viên được hỏi nhận thấy họ ngày càng sử dụng nhiều các ứng dụng CNTT trong hoạt động học tập. Nếu như trước đây các ứng dụng phổ biến được sử dụng là Microsoft office, Internet, email thì bây giờ các nền tảng trực tuyến, trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội ngày càng được sinh viên ưa chuộng và sử dụng. Đặc biệt, sau thời kỳ Covid – 19, giai đoạn 2020 – 2021, ứng dụng các phần mềm học trực tuyến tạo ra xu hướng học tập mới, lớp học có thể diễn ra ở bất kỳ nơi đâu miễn là có thiết bị có kết nối Internet. Những kỹ năng sử dụng CNTT này nếu được bồi dưỡng trong quá trình học tập, nó cũng trở thành công cụ hiệu quả hỗ trợ rất tốt cho sinh viên tiếp cận và thực hiện được

các công việc thực tế trong tương lai. 76,92% sinh viên cho rằng CNTT giúp cho sinh viên tiếp thu nhanh hơn. Trong một số môn học như Tuyển điểm du lịch, Hướng dẫn du lịch các ứng dụng như công nghệ thực tế ảo, app du lịch... cung cấp cho sinh viên không chỉ hình ảnh mà có các thông tin rất hữu ích cho hoạt động thực hành môn học. Có 71,79% sinh viên cho rằng CNTT giúp việc làm việc nhóm hiệu quả hơn và 64,1% sinh viên đồng ý rằng việc học của CNTT mang lại kết quả cao hơn. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng, sinh viên dựa dẫm vào các nguồn thông tin trên Internet, chưa tự giác trong quá trình thực hiện bài tập giảng viên giao mà đơn thuần sao chép các bài tập tương tự. Hành động này về lâu dài sẽ tạo cho sinh viên sự ỷ lại, kết quả học tập không có sự tiến bộ.

### ***2.2.2. Về mục đích sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên***

Mục đích của các bạn sinh viên ứng dụng CNTT trong học tập cũng thể hiện rất rõ khi có tới 82,1% là tìm kiếm thông tin. Điều này cho thấy được Internet đã trở thành kho dữ liệu khổng lồ giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và thông tin một cách nhanh và hiệu quả. Xử lý thông tin chiếm 46,2%, học các kỹ năng cho bản thân là 43,6%. Việc học các kỹ năng là vô cùng quan trọng, đặc biệt là sinh viên ngành Du lịch như các kỹ năng tin học văn phòng, kỹ năng thiết kế, phân tích dữ liệu, kỹ năng giao tiếp,... với sự phát triển về CNTT đã giúp sinh viên tự học và trang bị các kỹ năng cho bản thân như đăng ký các khóa học trực tuyến, xem hướng dẫn trên youtube... Tăng cường hợp tác, cộng tác trong quá trình học tập là 33,3%. Không phải khi nào thực hiện bài tập sẽ có sự tham gia đầy đủ của các thành viên thì các ứng dụng công nghệ sẽ giúp các bạn tăng cường hợp tác hiệu quả hơn. Ví dụ như khi cần sửa nội dung nào đó, sinh viên sử dụng Google Docs để có thể sửa trực tiếp tại file, sử dụng Google Meet hay Zoom vào những trường hợp không thể làm việc trực tiếp,... Thể hiện kết quả nghiên cứu, học tập trực quan sinh động là 30,8%. Các ứng dụng như Word, Excel, Powerpoint hay các ứng dụng khác đều cho phép người dùng chèn video, hình ảnh màu sắc, thỏa sức sáng tạo nội dung của mình để không bị nhàm chán. Từ đó sinh viên sẽ được thể hiện

kết quả của mình theo màu sắc riêng mà vẫn mang lại đúng kiến thức và sự bắt mắt, dễ hiểu cho đối phương.



**Biểu đồ 2.3: Mục đích ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư**

Trong quá trình học tập của sinh viên, ngoài những bài báo cáo, tiểu luận các học phần thì NCKH là một phần không thể thiếu. Và với lượng thông tin khổng lồ trên internet đã giúp cho quá trình NCKH của sinh viên trở nên thuận tiện hơn cả. Trong quá trình thực hiện NCKH, việc ứng dụng CNTT đã giúp sinh viên tìm các nguồn tài liệu, các bài báo, bài nghiên cứu với các vấn đề liên quan qua Google Scholar, Studocu,... để làm tài liệu tham khảo cho những hướng nghiên cứu cùng hệ thống cơ sở lý luận. Ngoài ra, với những nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học với việc lấy ý kiến thông tin từ nhiều người thì khi ứng dụng CNTT sẽ giúp cuộc điều tra rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí bởi không cần phải tốn chi phí cho việc in các bảng hỏi ra bản cứng và sẽ làm trực tiếp trên hệ thống bằng việc sử dụng Google Form. Những số liệu thu được sẽ được tổng hợp và phân tích, hệ thống một cách phù hợp giúp người nghiên cứu dễ dàng sử dụng số liệu hơn. Và bằng cách ứng dụng CNTT vào trong NCKH đã giúp quá trình thực hiện của sinh viên trở nên thuận tiện hơn và nội dung nghiên cứu phong phú hơn.

### ***2.2.3. Về các ứng dụng công nghệ thông tin sinh viên ngành Du lịch thường sử dụng***

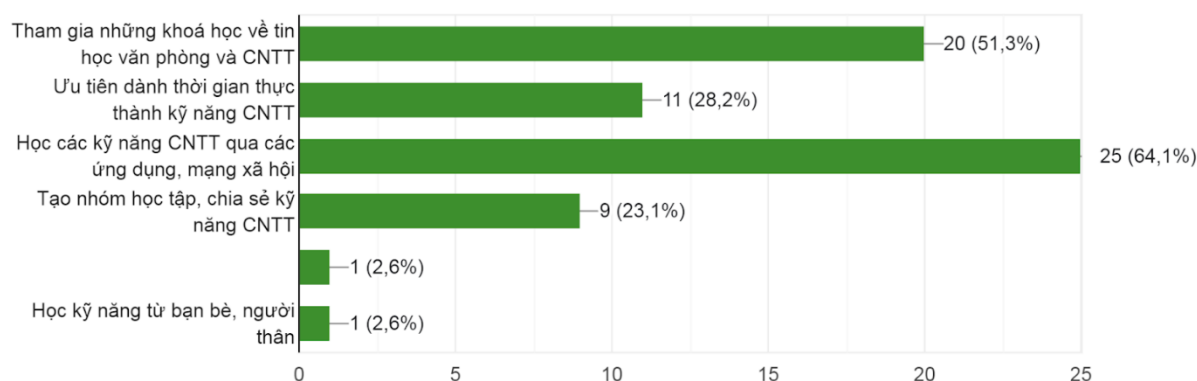
Với mức độ sử dụng công nghệ trong học tập khá cao đó thì theo thống kê thu được 5 ứng dụng mà các bạn sinh viên thường sử dụng nhất là Google, Microsoft Office, Zalo, Youtube, Canva. Các ứng dụng này giúp sinh viên có thể tìm kiếm thông tin, tiếp cận điểm đến một đến một cách trực quan nhất và làm bài tập trong quá trình học tập. Ngoài ra, sinh viên còn nêu lên một số ứng dụng đang dần được sử dụng rộng rãi trong thời gian gần đây như Chat GPT, Gemini, Zoom, Microsoft team, các app di động như Duolingo, Tflat, Google dịch...

Google là nền tảng tìm kiếm thông tin có lượng người sử dụng lớn nhất hiện nay. Sinh viên sử dụng Google như là công cụ tìm kiếm không thể thiếu để thực hiện các nhiệm vụ của học phần. 100% sinh viên sử dụng Google, cho thấy mức độ phổ biến của ứng dụng CNTT này trong học tập. Tuy nhiên, với lượng thông tin khổng lồ từ Google đòi hỏi sinh viên cần phải có kỹ năng xử lý và tổng hợp thông tin tốt mới có thể đạt được hiệu quả cao trong học tập. Microsoft Office là phần mềm văn phòng hữu ích trong học tập. Sinh viên có thể sử dụng phần mềm này để ghi chép bài học hoặc trình bày các bài tập lớn và các file tài liệu có thể lưu trữ lâu dài. Canva là phần mềm thiết kế slide hình ảnh hoặc video trình chiếu tạo ra những thiết kế hình ảnh dễ dàng và nhanh chóng. Sinh viên sử dụng canva trong phần trình bày báo cáo trước lớp hoặc thực hiện bài tập nhóm. Đối với sinh viên, việc lựa chọn canva là phần mềm thiết kế miễn phí giúp học có thể tiết kiệm chi phí nhưng có những slides hình ảnh đẹp. Đây là ứng dụng được sinh viên rất ưa thích. Tuy nhiên, tài khoản canva miễn phí hiện nay rất ít tính năng và template đẹp. Ứng dụng thứ tư, sinh viên ngành du lịch sử dụng nhiều trong học tập là Youtube. Theo nghiên cứu khảo sát của Statista, tính đến tháng 1/2023, Youtube đã có hơn 2,5 tỷ người dùng ở trên toàn thế giới. Đây là nền tảng chia sẻ video trực tuyến, rất phù hợp để sinh viên ngành Du lịch sử dụng để tìm kiếm các thông tin về các khu, điểm du lịch một cách trực quan nhất, trong trường hợp không có điều kiện đến trực tiếp tham quan thực tế. Số lượng các video do các blogger du

lịch, các hướng dẫn du lịch hay du khách chia sẻ về các trải nghiệm của họ mang đến các thông tin hữu ích để sinh viên ngành du lịch có thể chọn lọc những thông tin để hoàn thành các bài tập học phần chuyên ngành. Cuối cùng, một số các ứng dụng để sinh viên thuận tiện trong trao đổi với nhau hoặc xin ý kiến giảng viên đó là zalo. Với đặc điểm dễ sử dụng và ai cũng sử dụng tài khoản zalo như công cụ liên lạc, đây được coi là công cụ rất hữu hiệu trong giao tiếp và trong học tập.

#### **2.2.4. Phương thức sinh viên tăng cường kỹ năng sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin**

Nhận thức thực tế ứng dụng và những mục đích trên, các bạn sinh viên cũng đã đưa ra những phương pháp nhằm nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT khác nhau.



**Biểu đồ 2.4: Phương pháp nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT**

#### **trong học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư**

Trong khảo sát thực tế, có tới 64,1 % sinh viên chọn học các kỹ năng CNTT qua các ứng dụng, mạng xã hội. Việc bùng nổ trào lưu video đã đưa đến mạng xã hội Tiktok vô cùng hút người dùng. Trên nền tảng này cho phép đăng tải những video ngắn về nhiều lĩnh vực khác nhau và khi tìm hiểu về những kỹ năng về CNTT cũng được rất nhiều người chia sẻ. Vì thế đây cũng là một kênh học khá hiệu quả. 51,3% sinh viên lựa chọn tham gia những khóa học về tin học văn phòng và CNTT. Tin học văn phòng là một trong những yếu tố quan trọng hiện nay bởi nó được đưa vào sử dụng hầu hết ở mọi lĩnh vực. Với bộ công cụ văn phòng phổ biến nhất hiện nay là Microsoft Office gồm Word, Excel và Powerpoint là những

công cụ được sinh viên học và sử dụng nhiều nhất. Ngoài ra còn có bộ công cụ Google Workspace tương tự như Microsoft Office. 28,2% dành cho việc ưu tiên dành thời gian thực hành kỹ năng CNTT. Không thể chỉ học lý thuyết mà kỹ năng cần phải được thực hành và rèn luyện và sinh viên thực hiện nó bằng cách áp dụng vào quá trình học tập của mình như trình bày, báo cáo bài tập học phần qua Word và Powerpoint, Canva,... 23,1% sẽ tạo nhóm học tập, chia sẻ kỹ năng CNTT. Không phải bất cứ ai đều có thể biết hết về các kỹ năng CNTT vì vậy sinh viên đã tạo ra những nhóm chat học tập để có thể hỏi nhau về những kỹ năng mà mình chưa biết hay giới thiệu những ứng dụng hay, tiện lợi để dễ dàng hơn trong quá trình làm bài tập. Và 2,6% lựa chọn học từ bạn bè người thân. Với các nền tảng số hiện nay, việc chia sẻ kiến thức về ứng dụng CNTT là vô cùng phổ biến với những bài viết chia sẻ trên các trang web hay những video hướng dẫn cụ thể, chi tiết, trực quan và gây hứng thú với người xem. Đây cũng chính là lý do tại sao các bạn sinh viên phần lớn lựa chọn học các kỹ năng CNTT qua ứng dụng và các trang mạng xã hội.

Hầu hết các sinh viên đã được tiếp cận CNTT từ khi còn nhỏ, qua các cấp học và được hệ thống lại trong học phần Tin học đại cương vì vậy sinh viên có khả năng dễ dàng sử dụng hệ thống máy tính và Internet. Tuy nhiên, với sự phát triển của các phần mềm ứng dụng đòi hỏi sinh viên cần phải rèn luyện, nâng cao khả năng sử dụng CNTT bằng nhiều cách như tham gia những khóa học về tin học văn phòng và CNTT, dành nhiều thời gian cho thực hành, học các kỹ năng CNTT qua các ứng dụng, mạng xã hội, tạo nhóm học tập, chia sẻ kỹ năng và học kỹ năng từ bạn bè, người thân.

#### ***2.2.5. Về mức độ sử dụng các kỹ năng công nghệ thông tin trong quá trình học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư***

**Bảng 2.4. Mức độ sử dụng kỹ năng CNTT của sinh viên ngành du lịch, trường đại học Hoa Lư**

| STT | Kỹ năng Công nghệ thông tin          | Mức độ sử dụng |
|-----|--------------------------------------|----------------|
| 1   | Sử dụng và trình bày Word            | 4.5            |
| 2   | Sử dụng và trình bày bảng tính Excel | 2.97           |
| 3   | Sử dụng và trình chiếu Power point   | 4.1            |

|   |                                              |     |
|---|----------------------------------------------|-----|
| 4 | Sử dụng bảng tính Spreadsheet, google docs   | 3.0 |
| 5 | Sử dụng các ứng dụng di động phục vụ học tập | 4.1 |
| 6 | Sử dụng và thao tác trên máy tính            | 3.0 |
| 7 | Sử dụng các công cụ học tập từ xa            | 3.9 |
| 8 | Sử dụng công cụ trao đổi và lưu dữ liệu      | 4.0 |

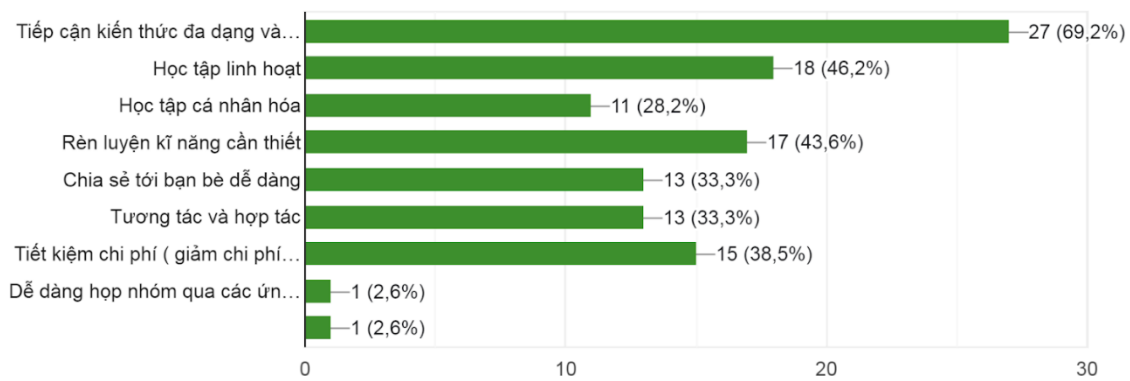
*(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2024)*

Nhìn vào kết quả bảng 2.4 có thể thấy các kỹ năng ứng dụng CNTT phổ biến của sinh viên ngành Du lịch chủ yếu là sử dụng và trình bày word, powerpoint, các ứng dụng di động phục vụ học tập và sử dụng công cụ trao đổi & lưu dữ liệu như gmail, zalo cũng như các trang mạng xã hội khác. Một số kỹ năng ít được sử dụng như thao tác trên máy tính, sử dụng và trình bày bảng tính excel. Trên thực tế hiện nay, sinh viên có nhu cầu sử dụng các thiết bị di động nhiều hơn, chỉ một số sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư có máy tính và sử dụng máy tính như một công cụ hỗ trợ học tập. Excel cũng ít được sinh viên sử dụng một phần do đặc trưng ngành học ít các môn học cần sử dụng kỹ năng excel, một lý do khác do sinh viên còn yếu trong kỹ năng trình bày và xử lý bảng tính. Kỹ năng sử dụng công cụ học tập từ xa như Zoom, Microsoft team cũng thường được sử dụng do ảnh hưởng của Covid 19, hầu hết nhóm sinh viên được khảo sát đều khá quen thuộc với các công cụ này.

#### ***2.2.6. Một số thuận lợi và khó khăn của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư khi ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập***

##### ***Thuận lợi***

Trong bối cảnh thế giới đang trong giai đoạn cách mạng 4.0 với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, mọi người đều có thể tận dụng những ưu thế của CNTT trong cả cuộc sống và công việc.



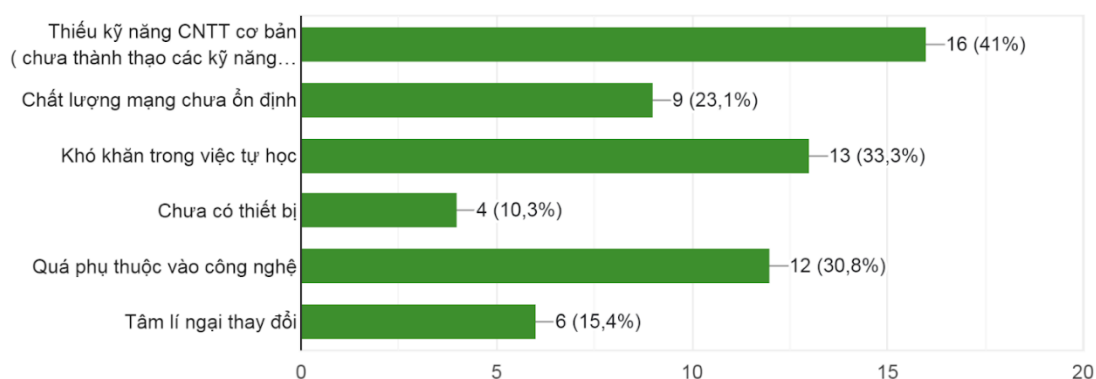
**Biểu đồ 2.5. Thuận lợi của việc ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành du lịch trường Đại học Hoa Lư**

Đối với sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư có tới 69,2% cho rằng với CNTT việc tiếp cận kiến thức đa dạng và cập nhật, 46,2% cho rằng việc học tập trở nên linh hoạt hơn. Bên cạnh đó, cũng có nhiều ý kiến cho rằng sự phát triển CNTT giúp cho việc chia sẻ thông tin tới bạn bè trở nên dễ dàng hơn, đồng thời sinh viên được rèn luyện các kỹ năng cần thiết như kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng tổng hợp thông tin, kỹ năng báo cáo...

#### *Khó khăn*

Song song với những thuận lợi đó, sinh viên cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình ứng dụng CNTT vào học tập khi có tới 41% sinh viên cho rằng họ thiếu kỹ năng CNTT cơ bản do chưa thành thạo các kỹ năng máy tính, các phần mềm như Word, Excel, Powerpoint. Mức độ sử dụng của sinh viên về các ứng dụng này là thường xuyên nhưng chỉ mới dừng lại ở mức biết soạn thảo văn bản word hay chèn chữ và hình ảnh vào powerpoint, vẫn còn nhiều sinh viên chưa thể xử lý, chỉnh sửa định dạng cũng như sử dụng chuyên sâu hơn về phần mềm. 33,3% gặp khó khăn trong việc tự học bởi lượng thông tin khổng lồ trên mạng khiến sinh viên dễ bị phân tán, khó tập trung vào nội dung chính, khó khăn trong việc sàng lọc và đánh giá tính chính xác của thông tin. Sinh viên sẽ dễ bị phân tâm bởi các hoạt động giải trí trên mạng. 30,8% nhận thấy quá phụ thuộc vào công nghệ bởi sự thuận tiện của CNTT giúp sinh viên dễ dàng truy cập thông tin, tiết kiệm thời gian và công sức tìm tài liệu, các ứng dụng phần mềm có tính tương tác cao tạo

ra môi trường học tập sinh động, hấp dẫn cho sinh viên. Và khi hầu hết các hoạt động học tập đều được số hóa khiến sinh viên cảm thấy khó khăn khi phải làm việc mà không có sự hỗ trợ của công nghệ. Chất lượng mạng chưa ổn định chiếm 23,1%. Có rất nhiều nguyên nhân gây ra chất lượng mạng không ổn định như hạ tầng mạng chưa hoàn thiện, số người dùng tăng cao dẫn đến mạng kém và thiếu ổn định hay các yếu tố ngoại cảnh như thời tiết xấu cũng ảnh hưởng đến chất lượng mạng. Và việc này sẽ làm gián đoạn quá trình học, giảm hiệu quả học tập và không đảm bảo tính công bằng bởi sinh viên ở nơi có kết nối mạng kém sẽ gặp bất lợi so với những sinh viên có điều kiện tốt hơn. Có tới 15,4% có tâm lý ngại thay đổi vì thói quen học tập cũ đã trở thành một phần quen thuộc, tạo ra cảm giác an toàn và thoải mái. Sinh viên lo lắng rằng mình sẽ không thể làm quen với công nghệ mới hoặc không đạt kết quả tốt như mong đợi, một số sinh viên cảm thấy thiếu tự tin về khả năng sử dụng các công cụ CNTT dẫn đến ngại thử nghiệm và khám phá. Chưa có thiết bị là 10,3% do nhiều sinh viên còn hạn chế về tài chính, nhiều gia đình không có đủ điều kiện kinh tế để trang bị máy tính, điện thoại thông minh hoặc các thiết bị thông minh khác. Các chính sách hỗ trợ cung cấp thiết bị cho sinh viên chưa được triển khai hiệu quả hoặc chưa đủ để đáp ứng nhu cầu.



**Biểu đồ 2.6: Khó khăn của việc ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành du lịch, trường Đại học Hoa Lư**

## **2.3. Đánh giá về thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên ngành Du lịch, Trường Đại học Hoa Lư**

### ***2.3.1. Những điểm mạnh của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư khi ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình học tập***

Với sự phát triển không ngừng của CNTT và khả năng tiếp cận sự đổi mới, sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư đã cho thấy những điểm mạnh của mình khi ứng dụng CNTT trong quá trình học tập:

Một là, sinh viên đã và đang sử dụng các thiết bị công nghệ và công nghệ số. Ngày nay, các bạn sinh viên đều thường sử dụng các thiết bị công nghệ như điện thoại thông minh, laptop, máy tính bảng,... sớm đã tiếp cận với mạng Internet, sử dụng các trang web và mạng xã hội, các phần mềm, ứng dụng công nghệ. Họ sử dụng trong học tập, làm việc, giải trí, giao tiếp, kết nối trong đời sống ngày thường. Hiện nay nó như trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của chúng ta.

Hai là, có khả năng sử dụng các ứng dụng công nghệ. Sau đại dịch Covid-19 thì việc học tập trực tuyến trở nên phổ biến thì hiện nay, sinh viên đã có khả năng tốt trong việc sử dụng các ứng dụng giao tiếp và làm việc nhóm như Google Meet, Zoom, Teams, Google Classroom,... để học trực tuyến và liên lạc với bạn bè, giáo viên. Bên cạnh đó các ứng dụng hỗ trợ cũng trở nên phổ biến hơn để học sinh, sinh viên bớt nhàm chán cũng như tiếp thu kiến thức một cách tốt hơn như Quizlet, Duolingo, ELSA Speaking,... cũng đã cung cấp cho sinh viên kiến thức cần thiết và tăng khả năng tự học. Ngoài ra một số ứng dụng giúp sinh viên có thể lên kế hoạch, quản lý thời gian hiệu quả hơn như Google Calendar, Notion, Trello,... điều này càng giúp nâng cao khả năng lập kế hoạch của sinh viên và kiểm soát được lượng bài tập, công việc và tiến độ hoàn thành đúng thời hạn.

Ba là, có khả năng sáng tạo. Bằng việc tự do trong việc truy cập thông tin, sử dụng các ứng dụng công nghệ, sinh viên có không gian lớn hơn trong việc thỏa sức sáng tạo của bản thân. Những kênh truyền thông như Facebook, Tiktok,

Youtube, Instagram,... đã cung cấp cho sinh viên môi trường lí tưởng để bản thân tự do thỏa sức sáng tạo, đưa ý tưởng thành những dự án thực tế và có hiệu quả.

Bốn là, sở hữu nhiều kỹ năng mềm phục vụ cho đời sống hiện nay. Với thời đại số hiện nay, tiếp cận đa dạng, đa chiều thì việc sinh viên có các kỹ năng mềm hỗ trợ là điều vô cùng quan trọng. Với sinh viên nói chung và sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư nói riêng thì ngoài sở hữu những kỹ năng cần có như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lí tình huống,... thì với cuộc sống hiện nay, việc sở hữu những kỹ năng khác nữa như kỹ năng dựng video, kỹ năng chỉnh sửa ảnh, kỹ năng xử lí thông tin số,... đã trở thành một thế mạnh lớn bởi sự bùng nổ truyền thông trong những năm gần đây. Và sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư cũng không nằm ngoài xu thế đó, các bạn sinh viên đã tiếp cận và ứng dụng nó một cách hiệu quả không chỉ trong việc giải trí mà đưa nó vào những môn học của mình một cách trực quan, sinh động và có hiệu quả hơn bao giờ hết.

### ***2.3.2. Những điểm yếu của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư khi ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình học tập***

Với sự phát triển mạnh mẽ không ngừng của CNTT, bên cạnh những điểm mạnh mà các bạn sinh viên đã làm được sẽ vẫn còn tồn tại một số yếu điểm cơ bản có thể kể đến:

Thứ nhất là sự phụ thuộc vào công nghệ. Mặc dù đa số sinh viên rất thoải mái khi sử dụng công nghệ nhưng việc quá lạm dụng nó làm cho sinh viên không thể hoàn thành các nhiệm vụ cơ bản nếu không có sự hỗ trợ của công nghệ. Nó cũng là một phần ảnh hưởng tới sinh viên, làm cho sinh viên giảm sút sự tự nỗ lực phát huy hết sức mạnh nội lực của bản thân trong quá trình giải quyết những vấn đề, nhiệm vụ được đặt ra.

Thứ hai, sinh viên còn thiếu kỹ năng về kỹ thuật. Tuy sinh viên đã có nhiều sự tiếp xúc với công nghệ từ sớm nhưng lại chưa nghiên cứu và tìm hiểu sâu, mới chỉ dừng lại ở những ứng dụng, trang web phổ biến, chưa tiếp xúc với những ứng dụng chuyên ngành. Một phần nhỏ sinh viên còn chưa nắm vững những kỹ năng

về kỹ thuật công nghệ cơ bản, các công cụ số, phần mềm và tìm kiếm thông tin chưa hiệu quả. Điều này dẫn đến việc khai thác chưa tối đa tiềm năng của công nghệ.

Thứ ba là thiếu kỹ năng quản lý thời gian. Mặc dù đã có rất nhiều phần mềm công nghệ và ứng dụng giúp cho sinh viên quản lý thời gian và công việc tuy nhiên nếu không có kỹ năng quản lý thời gian tốt, sinh viên vẫn có thể gặp khó khăn trong việc hoàn thành nhiệm vụ và học tập hiệu quả do thói quen sử dụng điện thoại, mạng xã hội quá nhiều dẫn đến mất tập trung, gây lãng phí thời gian.

Thứ tư, sinh viên sao chép và lạm dụng thông tin. Khi sử dụng Internet và các công nghệ số, sinh viên dễ dàng sao chép và sử dụng thông tin một cách không đúng đắn. Việc này có thể dẫn đến việc vi phạm bản quyền hoặc các vấn đề liên quan khác. Mặt khác nhiều sinh viên chưa có kỹ năng tìm kiếm thông tin nên thường lạm dụng thông tin dẫn đến dễ bị nhầm lẫn hay lạc lối trong học tập và nghiên cứu.

## **Tiểu kết chương 2**

Từ việc nghiên cứu, khảo sát thực trạng về việc ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành du lịch trường Đại học Hoa Lư, đã nhận thấy rõ được mức độ nhận thức về CNTT, mục đích của sinh viên khi sử dụng công nghệ. Ngoài ra còn tìm hiểu được một số ứng dụng CNTT mà sinh viên thường sử dụng, bên cạnh những ứng dụng, trang web cơ bản thì có một số sinh viên đã sử dụng những phần mềm chuyên sâu để hỗ trợ cho quá trình học tập của mình. Không những thế, các phương thức sinh viên lựa chọn để nâng cao kỹ năng công nghệ của mình vô cùng thiết thực và phổ biến hiện nay. Với những thông tin khảo sát thu được đã cho thấy được sinh viên ngành du lịch trường Đại học Hoa Lư đã có những điểm mạnh và những điểm yếu rõ rệt, từ đó góp phần vào quá trình đưa ra giải pháp phù hợp để cải thiện những điểm yếu còn tồn tại.

### **Chương 3**

## **ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA SINH VIÊN NGÀNH DU LỊCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

### **3.1. Yêu cầu về kỹ năng công nghệ thông tin đối với sinh viên ngành Du lịch, Trường Đại học Hoa Lư**

Ngày nay, trong bối cảnh nền kinh tế đất nước đang ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng thì yêu cầu của các nhà tuyển dụng đối với người lao động được đặt ra ngày càng cao. Những yêu cầu đó không chỉ bó hẹp trong phạm vi kiến thức chuyên ngành mà còn bao gồm sử dụng thành thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin cũng như kinh nghiệm thực tế, kỹ năng sống, sự nhanh nhạy trong xử lý công việc. Điều này đã và đang đặt ra những khó khăn, thách thức cho tất cả sinh viên, đặc biệt là những người vừa mới ra trường, chưa có kinh nghiệm cùng kỹ năng làm việc.

Hiện nay, công nghệ thông tin là mối quan tâm hàng đầu trong các cơ sở giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng, trở thành phương tiện bắt buộc phải có tại các trường đại học để giúp sinh viên tăng hiệu quả tối đa việc học tập. Kiến thức chuyên ngành mà sinh viên được trang bị trong quá trình học tập tại trường đại học là điều kiện cần, tuy nhiên vẫn chưa phải là điều kiện đủ để làm hành trang cho sinh viên có thể bước ra giảng đường tìm kiếm những công việc như mong muốn với mức thu nhập phù hợp. Khi mà yêu cầu của nhà tuyển dụng hiện nay ngày càng trở nên coi trọng và khắt khe hơn với các kỹ năng quan trọng về Word, Excel, Powerpoint, ... đòi hỏi bắt buộc mỗi cá nhân phải tự hoàn thiện các kỹ năng mềm cho bản thân mình. Chính vì thế, yêu cầu đặt ra đối với sinh viên là không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ thì còn phải quan tâm đến công nghệ thông tin đặc biệt là công nghệ thông tin cơ bản để làm nền tảng tiếp tục hoàn thành chương trình công nghệ thông tin tiếp theo trên giảng đường, để có thể sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng và từ đó vận dụng được vào chuyên ngành cụ thể mà bản thân đang học tập và nghiên cứu.

Trong bối cảnh đó, chương trình đào tạo ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư đã xác định mục tiêu đào tạo, sinh viên sau khi hoàn thành phải đáp ứng được mục tiêu có kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**Bảng 3.1. Mục tiêu chương trình đào tạo ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư**

| <b>Nội dung</b>                          | <b>Ký hiệu</b> | <b>Mục tiêu cụ thể</b>                                                                                                                                                 |
|------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kiến thức</b>                         | PO1            | Có kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, Khoa học xã hội nhân văn, công nghệ để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn |
|                                          | PO2            | Có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành về du lịch lý hành để thực hiện công việc trong các doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp ngành du lịch.            |
| <b>Kỹ năng</b>                           | PO3            | Có kỹ năng nghiệp vụ để thực hiện được các hoạt động trong lĩnh vực du lịch và lý hành.                                                                                |
|                                          | PO4            | Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.                                                                                         |
|                                          | PO5            | Có kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.                                                                 |
| <b>Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm</b> | PO6            | Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm trong thực hiện công việc chuyên môn, có tinh thần khởi nghiệp.                                                                    |

(Nguồn: CTĐT ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư, 2022)

Sự phát triển CNTT một cách mạnh mẽ và bùng nổ trên thế giới đã đặt ra những yêu cầu cần thiết về kỹ năng công nghệ để có thể đưa sinh viên hội nhập kịp thời với thời đại. Những yêu cầu này cần được đảm bảo tính thực tiễn, khoa

học và phù hợp với sinh viên ngành Du lịch của trường Đại học Hoa Lư. Đó là những kỹ năng:

Một là kỹ năng sử dụng máy tính: thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, Powerpoint), trình duyệt web, email và các ứng dụng trực tuyến khác. Với sự phát triển của thời đại số ngày nay, việc sử dụng máy tính là điều gần như là bắt buộc trong xử lý công việc và việc thành thạo các phần mềm văn phòng, trình duyệt web, email và các ứng dụng trực tuyến khác đã trở thành một trong những yêu cầu cơ bản trong tuyển dụng việc làm ngày nay, vì vậy nó là kỹ năng vô cùng quan trọng và không thể thiếu. Với sự liên lạc, kết nối online, các văn bản, hợp đồng đều cần phải sử dụng đến máy tính để nâng cao hiệu quả công việc, chính vì thế mà kỹ năng sử dụng máy tính là kỹ năng yêu cầu đầu tiên và quan trọng đối với cuộc sống hiện nay nói chung và với sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư nói riêng.

Hai là kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành. Hiện nay các phần mềm dịch vụ du lịch phát triển vô cùng mạnh mẽ như phần mềm quản lý khách sạn PMS (Property Management System) giúp quản lý phòng, đặt phòng, thanh toán; các ứng dụng booking online như Booking.com, Traveloka, Agoda,...; hay như phần mềm đặt vé GDS (Global Distribution System) giúp đặt vé máy bay, tàu hỏa, xe khách; phần mềm thiết kế như Canva, Adobe Photoshop... nhằm tạo ra các ấn phẩm quảng cáo, poster, banner,... Việc này cho thấy được bất kì một lĩnh vực nào cũng tham gia vào thời đại số hiện nay, nó tham gia một cách nhanh chóng và mạnh mẽ, đòi hỏi chúng ta cũng cần phải nhanh chóng tiếp cận một cách hiệu quả nhất và không bị bỏ lại phía sau. Việc thành thạo kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành giúp cho sinh viên du lịch nói chung và sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư nói riêng dễ dàng và thuận lợi hơn trong việc làm du lịch trong tương lai.

Ba là kỹ năng ngoại ngữ. Tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế giúp mọi người trên thế giới có thể giao tiếp với nhau một cách dễ dàng hơn. Việc thành thạo tiếng anh là lợi thế vô cùng to lớn đặc biệt với sinh viên du lịch bởi nó là cây cầu nối

giữa chúng ta với khách hàng nước ngoài, giúp tìm kiếm thông tin rộng hơn trên các trang web du lịch quốc tế và mở rộng cơ hội nghề nghiệp hơn nữa. Ngoài tiếng Anh, nếu như muốn làm việc tại một thị trường đặc thù thì việc biết thêm ngôn ngữ như Pháp, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc,... sẽ là một lợi thế to lớn, giúp bước gần hơn tới thị trường riêng biệt này.

Bốn là kỹ năng marketing online. Marketing online hiện nay là một lĩnh vực quan trọng giúp việc kinh doanh đạt hiệu quả lớn hơn bao giờ hết và du lịch cũng nằm trong đó. Việc sử dụng hình thức marketing online giúp doanh nghiệp tiếp cận khách hàng một cách rộng rãi bởi Internet kết nối hàng tỷ người trên toàn cầu, mở ra cơ hội tiếp cận một lượng khách hàng khổng lồ mà các phương pháp truyền thống khó có thể đạt được. Nhờ các công cụ phân tích dữ liệu, doanh nghiệp có thể xác định đối tượng khách hàng mục tiêu một cách chính xác và đưa ra các thông điệp phù hợp. Không những thế, nó còn giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và đo lường được hiệu quả một cách tương đối chính xác, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa ngân sách một cách đáng kể. Không giống như phương pháp truyền thống, marketing online có thể giúp khách hàng tương tác trực tiếp với doanh nghiệp qua các kênh mạng xã hội hay email và nhận được phản hồi một cách nhanh chóng từ phía doanh nghiệp, từ đó xây dựng được lòng trung thành của khách hàng. Hơn thế nữa, marketing online còn cho phép chúng ta thay đổi chiến lược nhanh chóng, phù hợp với hành vi của khách hàng và tăng độ nhận diện với khách hàng. Với đặc thù của ngành du lịch thì marketing online là một lựa chọn phù hợp, tối ưu của doanh nghiệp muốn tiếp cận nhanh chóng tới khách hàng. Chính vì thế dù đây là kỹ năng mới nhưng nó chiếm một phần quan trọng không nhỏ trong những kỹ năng cần có của sinh viên Du lịch trường Đại học Hoa Lư.

### **3.2. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư**

#### ***3.2.1. Tăng cường nhận thức của người học về ứng dụng công nghệ thông tin***

Nhận thức là khả năng của con người và các hệ thống sống khác nhau để nhận biết, hiểu và có kiến thức về thế giới xung quanh. Nó liên quan đến khả năng

tiếp nhận thông tin từ các giác quan, xử lý thông tin đó trong não bộ và tạo ra ý thức và hiểu biết về thế giới. Tăng cường kỹ năng nhận thức là vô cùng quan trọng bởi nó giúp chúng ta tự nhận thức về kiến thức, kỹ năng, mục tiêu và cảm xúc của mình.

Để tăng nhận thức của người học về ứng dụng CNTT trong học tập, chúng ta cần kết hợp nhiều phương pháp khác nhau, từ việc truyền thông đến tạo ra các trải nghiệm thực tế.

Thứ nhất là tuyên truyền và giáo dục: bằng việc tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm giúp sinh viên có thêm nhiều những hiểu biết, thông tin mới nhất cũng như thêm các góc nhìn đa chiều về việc ứng dụng CNTT. Qua đó còn giúp sinh viên học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ các chuyên gia cũng như những người uy tín trong lĩnh vực. Khi tham gia vào các sự kiện này, sinh viên có thể mở rộng mối quan hệ, tạo cộng đồng cùng nhau học tập, ứng dụng và phát triển.

Việc tạo các ấn phẩm như: bản tin, poster, video ngắn giới thiệu các ứng dụng CNTT hữu ích là một phương án khá tốt. CNTT phát triển đã tạo ra vô vàn những ứng dụng khác nhau khiến cho người tiếp cận bị ngợp thông tin và chưa được sàng lọc kỹ càng dẫn đến sự thiếu hiệu quả trong việc ứng dụng nó vào việc học tập. Bằng việc tạo ra các ấn phẩm hay video giới thiệu sẽ giúp rút ngắn thời gian sàng lọc ứng dụng và hỗ trợ các bạn sinh viên trong việc lựa chọn công cụ CNTT để hỗ trợ công việc của mình.

Có thể sử dụng mạng xã hội như: tạo các trang, nhóm trên mạng xã hội để chia sẻ thông tin, tổ chức các cuộc thi nhỏ. Hiện nay, mạng xã hội được coi là phương tiện vô cùng phổ biến bởi người người đều sử dụng nó như một phần không thể thiếu và đây cũng là những kênh tiếp thu thông tin của người xem nhanh nhất. Ví dụ như trên mạng xã hội Facebook, có rất nhiều các trang fanpage, các nhóm công khai hoặc nhóm kín về rất nhiều chủ đề như Nhóm sinh viên trường Đại học Ngoại Thương, cộng đồng những người học tiếng Anh, fanpage Kênh Sinh viên,... đã tạo nên cộng đồng online vô cùng hiệu quả. Vậy thì việc tạo nên một fanpage hay một nhóm cộng đồng online chia sẻ các thông tin về kỹ năng

ứng dụng CNTT và tổ chức các cuộc thi nhỏ để các bạn sinh viên có thể cọ sát và học tập là một cách khá hiệu quả.

Nâng cao tích hợp vào chương trình học như: thêm các bài giảng, hoạt động thực hành về CNTT vào các môn học khác nhau. Không chỉ quá trình tự học, việc tích hợp các kỹ năng CNTT vào chương trình học giúp các bạn sinh viên được tiếp cận nhiều hơn từ đó đưa ra những hướng xử lý bài tập của các môn học một cách đa dạng, sáng tạo và hiệu quả hơn. Điều này cũng giúp các bạn sinh viên tiếp thu và ứng dụng kiến thức một cách linh hoạt hơn.

Thứ hai là hợp tác với cộng đồng. Bằng việc mời các doanh nghiệp tham gia, tổ chức các buổi nói chuyện, workshop về các công nghệ mới hay liên kết với các trường đại học để tạo điều kiện cho học sinh tham quan, học tập tại các trường đại học khác nhau. Những việc này đều tạo cho sinh viên cơ hội học hỏi từ nhiều đối tượng khác nhau, từ nhiều môi trường khác nhau, từ đó thấy được sự đa dạng và hiệu quả của CNTT không chỉ trong học tập mà còn trong đời sống hiện đại ngày nay.

### ***3.2.2. Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin cho sinh viên***

Rèn luyện kỹ năng là quá trình không ngừng học hỏi và phát triển bản thân để có được những khả năng cần thiết để đối mặt với những thách thức trong cuộc sống và công việc. Đã là kỹ năng thì không thể có trong ngày một ngày hai mà là cả một quá trình rèn luyện không ngừng dù là kỹ năng nào đi chăng nữa. Và việc rèn luyện kỹ năng CNTT trong thời đại số là điều vô cùng quan trọng bởi nó mang lại vô vàn những lợi ích như có nhiều cơ hội việc làm hơn, nâng cao hiệu quả công việc, phát triển bản thân, tiếp cận thông tin và tiếp cận với thế giới,... Vậy để bồi dưỡng được kỹ năng ấy cho sinh viên, ta có thể thử các phương pháp sau:

Thứ nhất là khuyến khích tham gia các hoạt động như tổ chức các cuộc thi: Cuộc thi lập trình, thiết kế web, phát triển ứng dụng,... Việc tổ chức các cuộc thi là tạo ra những sân chơi phù hợp, tạo niềm hứng thú, hấp dẫn trong những lĩnh vực khác nhau. Và với các cuộc thi về lập trình, thiết kế web hay phát triển ứng dụng thì sinh viên sẽ được tiếp cận nhiều hơn với khía cạnh thiết lập trang web và

đưa những mong muốn, ý tưởng thành hiện thực, từ đó mở ra những ứng dụng, trang web thú vị, mới lạ hơn về học tập trong sinh viên. Thành lập các câu lạc bộ: Câu lạc bộ tin học, lập trình, thiết kế đồ họa,... Trong bất kỳ trường đại học nào đều được thành lập các CLB khác nhau để phù hợp với mong muốn, nhu cầu của sinh viên và mục đích phát triển của nhà trường. Mỗi một CLB đều mang tính chất riêng và việc thành lập, phát triển những CLB về tin học, lập trình, thiết kế đồ họa giúp cho sinh viên được tiếp cận từ sớm hơn nữa về CNTT, những người trong CLB là những người có cùng sở thích về lĩnh vực này từ đó phát triển và ứng dụng sang các lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, sinh viên có thể tham gia các chương trình ngoại khóa: Các khóa học ngắn hạn, trại hè về CNTT. Những khóa đào tạo này thường sẽ tập trung vào một vấn đề cụ thể, nổi bật và có ảnh hưởng rộng rãi nhằm hỗ trợ giải quyết và chia sẻ kinh nghiệm. Những khóa học này giúp cho sinh viên không phải mất quá nhiều thời gian, chi phí nhưng vẫn có thể học được những kiến thức thực tế đối với việc ứng dụng CNTT. Tất cả những phương án này đều giúp cho sinh viên học hỏi được nhiều hơn về chuyên sâu của CNTT, hiểu rõ về bản chất cũng như những khía cạnh khác nhau về CNTT. Từ đây có thể tự tin tiếp cận số hóa một cách dễ dàng, hiệu quả và thực tiễn nhất là ứng dụng vào quá trình học tập để nâng cao hiệu quả một cách rõ rệt nhất.

Thứ hai là hỗ trợ sinh viên tự học. Khi ứng dụng CNTT vào trong học tập sẽ giúp cho sinh viên có thể tự học một cách hiệu quả hơn. Nhưng vẫn phải nhìn ngược lại bởi CNTT và mạng Internet là một phạm trù vô cùng rộng lớn, nếu không có kỹ năng chắc sẽ khiến sinh viên bị rối, ngợp trong số lượng trang web, ứng dụng khổng lồ và tạo nên một áp lực vô hình, ảnh hưởng lớn đến tinh thần học tập dẫn đến kết quả không như mong muốn. Vì vậy, việc tư vấn cho sinh viên về lựa chọn tài liệu học tập, công cụ hỗ trợ học tập hay kết nối sinh viên với các mentor có kinh nghiệm để được hướng dẫn, hỗ trợ hoặc xây dựng cộng đồng trực tuyến cho sinh viên trao đổi và học hỏi lẫn nhau là biện pháp cần thiết, thiết thực, hiệu quả. Điều này có thể hướng dẫn, định hướng sinh viên lựa chọn các ứng dụng CNTT sao cho phù hợp, chính xác, khoa học và hiệu quả.

### ***3.2.3. Xây dựng môi trường số trong hoạt động dạy và học***

Môi trường số trong giáo dục là không gian học tập được tạo ra bởi CNTT, cho phép người học tiếp cận kiến thức một cách linh hoạt, tương tác và hiệu quả hơn. Việc xây dựng môi trường số giúp cho sinh viên có thể tiếp cận kiến thức mọi lúc mọi nơi, tăng tính tương tác giữa giảng viên và sinh viên, cá nhân hóa quá trình tự học, rèn luyện được các kỹ năng số và mở rộng cơ hội học tập hơn nữa,... Để xây dựng môi trường số trong hoạt động dạy và học hiệu quả, cần một số yếu tố như:

Thứ nhất là nâng cao hạ tầng kỹ thuật bằng việc đảm bảo truy cập internet tốc độ cao cho cả giáo viên và học sinh; trang bị đầy đủ máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, các thiết bị di động,... Đảm bảo phủ sóng wifi mạnh mẽ, ổn định trong toàn bộ không gian học tập, đảm bảo nguồn điện luôn ổn định để tránh gián đoạn quá trình học tập. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy và học tập như LMR (Learning Management System), phần mềm tạo bài giảng, phần mềm làm bài tập trực tuyến. Xây dựng hệ thống bảo mật chặt chẽ để bảo vệ dữ liệu sinh viên, giảng viên và các thông tin quan trọng khác. Thường xuyên cập nhật phần mềm, vá lỗ hổng để ngăn chặn các cuộc tấn công từ bên ngoài.

Thứ hai là chuyển đổi nội dung số từ tài liệu điện tử: sách giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo được số hóa. Các bài giảng, bài tập, thí nghiệm được trình bày dưới dạng video, âm thanh sinh động. Sử dụng các trò chơi tương tác giúp sinh viên củng cố kiến thức một cách không nhàm chán hay tạo ra các khóa học trực tuyến với nội dung phong phú, đa dạng. Quét các tài liệu in thành file PDF hoặc hình ảnh. chuyển đổi văn bản trong hình ảnh thành văn bản có thể chỉnh sửa được. Ngoài ra sinh viên có thể tạo nội dung số đa phương tiện như quay video các hoạt động học tập, ghi âm bài giảng thành tài liệu nghe, trình chiếu bài sinh động bằng powerpoint hay tạo các hình ảnh minh họa thông tin một cách trực quan, dễ hiểu.

Thứ ba là tăng cường các hoạt động tương tác với việc tổ chức các diễn đàn để học sinh thảo luận, đặt câu hỏi, chia sẻ ý kiến; giao bài tập nhóm để khuyến khích sinh viên làm việc cùng nhau, bổ sung kỹ năng và trau dồi kiến thức

Thứ tư là nâng cao vai trò của giảng viên bằng việc nắm vững công nghệ. Cần tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo về ứng dụng CNTT trong giảng dạy để trang bị cho giáo viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết. Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên giúp giảng viên giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình ứng dụng công nghệ và tạo điều kiện để giảng viên tự do sáng tạo, áp dụng công nghệ vào giảng dạy theo cách riêng của mình. Bên cạnh đó cần đảm bảo được môi trường làm việc thuận lợi với cơ sở vật chất được đảm bảo, kết nối mạng ổn định và có sự hỗ trợ, các chính sách khuyến khích ưu tiên. Tăng cường đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên dựa trên cả kết quả học tập của sinh viên và khả năng ứng dụng CNTT. Ngoài ra, có thể khen thưởng những giảng viên có thành tích xuất sắc trong việc ứng dụng CNTT và công nhận những đóng góp của giảng viên trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

Thứ năm là tăng cường vai trò của sinh viên. Vai trò của sinh viên đó là chủ động tìm nguồn tài liệu, thông tin trên mạng để bổ sung kiến thức. Tham gia các hoạt động ngoại khóa để rèn luyện các kỹ năng, chia sẻ kiến thức đã học được với bạn bè và đưa ra những ý kiến đóng góp để cải thiện chất lượng học tập hơn. Để nâng cao được vai trò này, cần phải tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận CNTT từ việc cung cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, hỗ trợ tài chính hay mở các khóa đào tạo về kỹ năng sử dụng CNTT giúp sinh viên làm quen và thành thạo các công cụ học tập. Tạo ra các bài tập, dự án khuyến khích sinh viên tự tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề. Tổ chức các cuộc thi hoặc câu lạc bộ khoa học, công nghệ để sinh viên học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm.

### **Tiểu kết chương 3**

Với những thực trạng còn tồn tại, nội dung chương 3 đã đưa ra những yêu cầu về kỹ năng CNTT của sinh viên ngành du lịch trường Đại học Hoa Lư từ đó làm

tiền đề để đề xuất những giải pháp hợp lý hiệu quả từ việc nâng cao nhận thức là cái quan trọng bởi nhận thức quyết định đến mọi hành động của sinh viên. Hiểu được tầm quan trọng của kỹ năng CNTT sẽ giúp sinh viên nâng cao hơn về chất lượng kỹ năng. Sau đó mới là bồi dưỡng kỹ năng bởi kỹ năng CNTT không chỉ trên lý thuyết mà nó cần được thực hành thường xuyên để dần dần trở thành một thói quen, từ thói quen bồi dưỡng thành kỹ năng một cách hiệu quả nhất. Và điều quan trọng trong bất cứ điều gì đó chính là môi trường. Một môi trường phù hợp với mục đích sẽ giúp tăng cường mạnh mẽ sự hứng thú, hiệu quả. Chính vì vậy xây dựng một môi trường số năng động, sáng tạo sẽ giúp cho sinh viên tiếp cận gần, sâu và dễ dàng hơn với cuộc sống số hiện nay và nâng cao được chất lượng học tập.

## KẾT LUẬN

Dưới sự bùng nổ của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin đã mang lại những lợi ích không nhỏ tới các lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là ngành du lịch. Cùng với sự phát triển của các xu hướng mới yêu cầu con người không ngừng học hỏi, tìm tòi để có thể ứng dụng thành tựu khoa học vào chính ngành nghề của bản thân.

Hòa vào cuộc cách mạng công nghệ với xu hướng hiện đại hóa, việc ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư là công việc tất yếu cần phải tăng cường, đẩy mạnh hiệu quả. Giúp cho sinh viên nâng cao hiệu quả học tập, rèn luyện kỹ năng số và tiếp cận gần hơn nữa về ngành nghề đang theo học.

Nhận thức được lợi ích và tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT vào trong học tập thì việc đánh giá thực trạng và đề ra những giải pháp kịp thời để có thể nâng cao hơn nữa chất lượng học tập của sinh viên là điều vô cùng cần thiết. Tuy trong đó còn tồn tại những khó khăn nhất định nhưng với tinh thần cầu thị và hội nhập thì sẽ vượt qua và trở thành đơn vị ứng dụng CNTT hiệu quả trong việc nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

Với những khảo sát, phân tích thực trạng của sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư, bài nghiên cứu đã tìm ra được tình hình thực tế sinh viên sử dụng CNTT, đặc biệt trong lĩnh vực học tập. Điều này đã làm rõ được điểm mạnh, điểm yếu của sinh viên từ đây đề xuất ra những giải pháp phù hợp cho sinh viên nhằm cải thiện và nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT và góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung Ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
2. Bersin, Deloitte Consulting LLP (2018). *Insights from IMPACT 2018*, <https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/ca/Documents/audit/ca-audit-abm-scotia-insights-from-impact-2018.pdf>
3. Chính phủ nước CHXHCNVN (1993). *Nghị quyết số 49/CP của Chính phủ: Nghị quyết về phát triển công nghệ thông tin ở nước ta trong những năm 90*, Hà Nội
4. *Datareportal* (2024). <https://dcca.org.vn/bao-cai-ve-ky-thuat-so-viet-nam-2024>, ngày truy cập 23/8/2024
5. Đỗ Văn Hùng (2022). *Năng lực số - Digital Literacy 2021*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. John Vũ (2019). *Bước ra thế giới*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
7. Mayes, T. and de Freitas, S. *Technology-enhanced learning: The role of theory*, In H. Beetham and R. Sharpe (Eds.), *Rethinking pedagogy for a digital age: Designing for 21st century learning (2nd ed.)*. - New York: Routledge. - 2013. - P. 17-30.
8. Ngô Thị Như (2018). *Phát triển năng lực thông tin của sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, Số 8, Học viện Khoa học xã hội.
9. Nguyễn Tấn Đại & Pascal Marquet (2018). *Năng lực công nghệ số đáp ứng nhu cầu xã hội: Các mô hình quốc tế và hướng tiếp cận tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 12 (244), Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
10. Nguyễn Thị Yến (2016). *Phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin cho học sinh trong dạy học lịch sử lớp 10*, Luận văn ThS, Trường Đại học Giáo dục Hà Nội.

11. Phạm Thị Mỹ Dung; Lương Đoàn Nguyệt Hà; Nguyễn Thúy Hương; Phạm Thị Uyển Nhi; Phí Cẩm Thy (2023). *Nghiên cứu về nhu cầu đào tạo kỹ năng số từ sinh viên trường Đại học Ngoại thương Hà Nội*, Tạp chí Công Thương (số 9/2023), tr110-115.
12. Quốc hội nước CHXHCNVN (2006). *Luật Công nghệ thông tin*, Hà Nội
13. Trần Dương (2017). *Một số giải pháp nâng cao năng lực thông tin cho sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh*, Tạp chí Thông tin và tư liệu – 4/2017)
14. Trần Thanh Quang Phú và Nguyễn Minh Vi (2020). *Một số giải pháp nâng cao kỹ năng lập trình cho sinh viên Công nghệ thông tin, trường Đại học An Giang*, Tạp chí Giáo dục, Số 473 (Kì 1 - 3/2020), tr 40-44
15. Trần Thị Thu Ba (2016). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao ý thức tự học của sinh viên khoa Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế*, vol.02, no.38, pp120-129
16. Trường Đại học Hoa Lư (2022). *Chương trình đào tạo ngành Du lịch*, Ninh Bình
17. Vũ Thị Bích Ngọc (2024). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên trường Đại học Công Đoàn*, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Công Đoàn, số 33, Hà Nội.
18. UNESCO (2018). *A Global framework of reference on digital literacy skills for indicator 4.4.2*. UNESCO Institute for Statistics, Information Paper No. 51, Ref: UIS/2018/ICT/IP51.

**PHỤ LỤC**  
**PHIẾU KHẢO SÁT**

Xin chào mọi người, tôi là Bùi Thị Minh Hiền, sinh viên lớp D15DL. Hiện tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu học “*Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên ngành Du lịch, trường Đại học Hoa Lư*”. Rất mong nhận được những ý kiến hỗ trợ của mọi người qua phiếu khảo sát dưới đây.

Chân thành cảm ơn!

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Giới tính:        Nam ☐            Nữ ☐
2. Lớp: .....
3. Ngành:.....

**II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CNTT TRONG HỌC TẬP**

**1. Anh/chị hãy cho biết ý kiến của anh chị về các quan điểm tầm quan trọng của kỹ năng CNTT với việc học tập của sinh viên?**

| STT | Kỹ năng Công nghệ thông tin                          | Hoàn toàn đồng ý (5) | Đồng ý (4) | Bình thường (3) | Không đồng ý (2) | Hoàn toàn không đồng ý (1) |
|-----|------------------------------------------------------|----------------------|------------|-----------------|------------------|----------------------------|
| 1   | Kỹ năng CNTT rất quan trọng trong học tập            |                      |            |                 |                  |                            |
| 2   | Kỹ năng CNTT giúp giảm bớt gánh nặng trong công việc |                      |            |                 |                  |                            |
| 3   | Kỹ năng CNTT mang đến nhiều cơ hội nghề nghiệp hơn   |                      |            |                 |                  |                            |

**2. Anh/Chị có thường sử dụng công nghệ để hỗ trợ việc học tập (như tìm kiếm thông tin, làm bài tập, tham gia lớp học trực tuyến) không?**

- A. Rất thường xuyên
- B. Thường xuyên
- C. Bình thường

D. Hiếm khi

E. Không bao giờ

**3. Hãy kể tên 5 ứng dụng CNTT các anh chị thường sử dụng trong quá trình học tập?**

1.....

2.....

3.....

4.....

5.....

**4. Mục đích của việc sử dụng CNTT trong học tập của các anh/chị là gì? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án)**

A. Tìm kiếm thông tin

B. Xử lý thông tin

C. Tăng cường hợp tác, cộng tác trong quá trình học tập

D. Học các kỹ năng cho bản thân

E. Thể hiện kết quả học tập, nghiên cứu trực quan, sinh động.

F. Tham gia các lớp học trực tuyến

G. Khác.....

**5. Anh/chị nâng cao kỹ năng CNTT bằng các cách nào? Có thể lựa chọn nhiều đáp án)**

A. Rèn luyện kỹ năng CNTT bằng việc tự học

B. Tham gia những khóa học về tin học văn phòng và CNTT

C. Ưu tiên dành thời gian thực thành kỹ năng CNTT

D. Học các kỹ năng CNTT qua các ứng dụng, mạng xã hội

E. Tạo nhóm học tập, chia sẻ kỹ năng CNTT

F. Khác:.....

**6. Hiện tại, mức độ các anh chị sử dụng các kỹ năng CNTT trong quá trình học tập?**

| STT | Kỹ năng Công nghệ thông tin | Rất thường xuyên<br>(5) | Thường xuyên<br>(4) | Bình thường<br>(3) | Hiếm khi<br>(2) | Không bao giờ<br>(1) |
|-----|-----------------------------|-------------------------|---------------------|--------------------|-----------------|----------------------|
| 1   | Sử dụng và trình bày word   |                         |                     |                    |                 |                      |

|   |                                              |  |  |  |  |  |
|---|----------------------------------------------|--|--|--|--|--|
| 2 | Sử dụng và trình bày bảng tính Excel         |  |  |  |  |  |
| 3 | Sử dụng và trình chiếu Power point           |  |  |  |  |  |
| 4 | Sử dụng bảng tính Spreadsheet, google docs   |  |  |  |  |  |
| 5 | Sử dụng các ứng dụng di động phục vụ học tập |  |  |  |  |  |
| 6 | Sử dụng và thao tác trên máy tính            |  |  |  |  |  |
| 7 | Sử dụng các công cụ học tập từ xa            |  |  |  |  |  |
| 8 | Sử dụng công cụ trao đổi và lưu dữ liệu      |  |  |  |  |  |

**7. Anh/chị hãy cho biết ý kiến của mình về hiệu quả của việc ứng dụng CNTT đối với hoạt động học tập?**

- A. Tôi thấy tiếp thu kiến thức nhanh hơn
- B. Điểm số của tôi cao hơn khi sử dụng CNTT
- C. Tôi có thể làm bài tập nhóm hiệu quả hơn
- D. Phần lớn các môn học đều sử dụng CNTT
- E. Tôi ngày càng sử dụng nhiều các ứng dụng CNTT vào hoạt động học tập
- F. Khác:.....

**8. Có những khó khăn nào trong việc ứng dụng CNTT trong quá trình học tập của anh/chị?**

**(Có thể chọn nhiều phương án)**

- A. Thiếu kỹ năng CNTT cơ bản (chưa thành thạo các kỹ năng sử dụng máy tính, phần mềm cơ bản như Word, Excel, Powerpoint)
- B. Chất lượng mạng chưa ổn định
- C. Khó khăn trong việc tự học
- D. Chưa có thiết bị
- E. Quá phụ thuộc vào công nghệ
- F. Khác:.....

**9. Có những thuận lợi nào trong việc ứng dụng CNTT trong quá trình học tập của anh/chị?**

- A. Tiếp cận kiến thức đa dạng và cập nhật
- B. Học tập linh hoạt
- C. Học tập cá nhân hóa
- D. Rèn luyện kỹ năng cần thiết
- E. Chia sẻ với bạn bè dễ dàng
- F. Tương tác và hợp tác
- G. Khác:.....

**10. Anh/Chị sẽ đề xuất những giải pháp nào để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT? (Có thể chọn nhiều phương án)**

- A. Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng, trang web trong học tập
- B. Hỗ trợ, giúp đỡ những sinh viên chưa có kỹ năng cao trong việc ứng dụng CNTT
- C. Nâng cao trình độ ngoại ngữ giúp tiếp cận được nhiều tài liệu hơn trên những ứng dụng, website
- D. Tăng thêm tỷ lệ giờ tự học thúc đẩy sinh viên ứng dụng CNTT trong bài tập của các học phần
- E. Bổ sung các khóa đào tạo, hội thảo về ứng dụng CNTT
- F. Khác:.....